

**BAN CHỈ ĐẠO CỔ PHẦN HÓA TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM - CÔNG TY TNHH MTV
KHUYẾN CÁO CÁC NHÀ ĐẦU TƯ NÊN ĐỌC KỸ CÁC THÔNG TIN TRONG TÀI LIỆU
NÀY VÀ QUY CHẾ ĐẤU GIÁ TRƯỚC KHI THAM DỰ ĐẤU GIÁ**

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN LẦN ĐẦU RA CÔNG CHÚNG TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM - CÔNG TY TNHH MTV

Tổ chức bán đấu giá



Sở Giao Dịch Chứng Khoán Thành Phố Hồ Chí Minh

Trụ sở chính: 16 Võ Văn Kiệt, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: (84-28) 3821 7713 Fax: (84-28) 3821 7452
Website: www.hsx.vn

Tổ chức phát hành



Tổng Công ty Dầu Việt Nam – Công ty TNHH MTV

Trụ sở chính: Tầng 14-18, Tòa nhà PetroVietnam, số 1-5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: (84-28) 39106990 Fax: (84-28) 39106980
Website: www.pvoil.com.vn

Tổ chức tư vấn



Công ty Cổ phần Chứng Khoán Bản Việt

Trụ sở chính: Tháp tài chính Bitexco, Lầu 15, 2 Hải Triều, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: (84-28) 3914 3588 Fax: (84-28) 3914 3209
Website: www.vcsc.com.vn



TỔNG CÔNG DẦU VIỆT NAM – CÔNG TY TNHH MTV

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0305795054 ngày 26/06/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 16/01/2016, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

CHÀO BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN LẦN ĐẦU RA CÔNG CHÚNG

Tên cổ phần:	TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM – CÔNG TY TNHH MTV
Loại cổ phần chào bán:	Cổ phần phổ thông
Mệnh giá:	10.000 đồng / cổ phần (Mười ngàn đồng một cổ phần)
Giá khởi điểm:	13.400 đồng / cổ phần (Mười ba ngàn bốn trăm đồng một cổ phần)
Tổng số lượng chào bán:	206.845.900 cổ phần (Hai trăm lẻ sáu triệu, tám trăm bốn mươi lăm ngàn, chín trăm cổ phần)
Đặt cọc	10% giá trị tổng số cổ phần đăng ký mua tính theo giá khởi điểm
Đối tượng tham gia:	Các tổ chức, cá nhân đáp ứng điều kiện theo quy định tại Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của Tổng Công ty Dầu Việt Nam – Công ty TNHH MTV
Tổ chức bán đấu giá cổ phần:	Sở Giao Dịch Chứng Khoán Thành Phố Hồ Chí Minh
Thời gian tổ chức đấu giá:	8h30 sáng ngày 25/01/2018.
Địa điểm tổ chức đấu giá:	Sở Giao Dịch Chứng Khoán Thành Phố Hồ Chí Minh Số 16 Võ Văn Kiệt, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh

THÔNG TIN VỀ ĐỢT BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN LẦN ĐẦU**1. Tổ chức phát hành**

- Tên Tổng công ty	:	TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM – CÔNG TY TNHH MTV
- Địa chỉ	:	Tầng 14-18, Tòa nhà PetroVietnam, số 1-5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh;
- Điện thoại	:	(028) 39106990;
- Fax	:	(028) 39106980;
- Vốn điều lệ dự kiến sau khi cổ phần hóa	:	10.342.295.000.000 đồng
- Mệnh giá cổ phần	:	10.000 đồng/cổ phần
- Tổng số lượng cổ phần	:	1.034.229.500 cổ phần

Trong đó

- Cổ phần PVN nắm giữ	:	363.014.555 cổ phần, chiếm 35,10% vốn điều lệ
- Cổ phần bán ưu đãi cho CBCNV	:	1.864.300 cổ phần, chiếm 0,18% vốn điều lệ
- Cổ phần bán đấu giá công khai (IPO)	:	206.845.900 cổ phần, chiếm 20,00% vốn điều lệ
- Cổ phần bán đối tác chiến lược	:	462.504.745 cổ phần, chiếm 44,72% vốn điều lệ

2. Cổ phần chào bán đấu giá

- Số lượng cổ phần chào bán đấu giá	:	206.845.900 cổ phần, chiếm 20,00% vốn điều lệ
- Loại cổ phần chào bán	:	Cổ phần phổ thông
- Hình thức chào bán	:	Bán cổ phần lần đầu ra công chúng của Doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước cổ phần hoá theo phương thức đấu giá
- Phương thức đấu giá	:	Theo quy định tại “Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra bên ngoài của TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM – CÔNG TY TNHH MTV do Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh ban hành
- Giá khởi điểm	:	13.400 đồng/cổ phần
- Đặt cọc	:	Bằng 10% giá trị tổng số cổ phần đăng ký mua tính theo giá khởi điểm

3. Công bố thông tin doanh nghiệp và đăng ký mua cổ phần**3.1. Địa điểm công bố thông tin, nhận đăng ký tham gia đấu giá, nhận tiền đặt cọc, phát phiếu tham dự đấu giá, nhận phiếu tham dự đấu giá:**

Nhà đầu tư đăng ký tham gia đấu giá, đặt cọc và nhận phiếu tham dự đấu giá tại các đại lý đấu giá nêu trong “Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra bên ngoài của TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT



NAM – CÔNG TY TNHH MTV” do Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh ban hành (gọi tắt là Quy chế đấu giá).

Công bố thông tin doanh nghiệp được đăng tải trên các website <http://www.pvoil.com.vn>; <http://www.hsx.vn>, <http://www.vcsc.com.vn> và các website của các đại lý đấu giá nêu trong Quy chế bán đấu giá

3.2. Thời gian nộp đơn đăng ký tham dự đấu giá, nộp tiền cọc và nhận phiếu đấu giá

Từ 8h00 ngày 22/12/2017 đến 16h00 ngày 17/01/2018

3.3. Điều kiện đăng ký tham dự đấu giá

- Có đơn đăng ký tham gia đấu giá theo mẫu và nộp đúng thời hạn theo quy định.
- Nộp đủ tiền đặt cọc là 10% tổng giá trị cổ phần đăng ký tính theo giá khởi điểm trong thời hạn đăng ký như quy định.
- Đảm bảo đủ điều kiện tham gia đầu tư, đấu giá mua cổ phần theo quy định tại Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về việc chuyển Công ty 100% vốn nhà nước thành Công ty cổ phần; Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của các doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thực hiện chuyển đổi thành Công ty cổ phần và các văn bản pháp luật khác có liên quan.
- Có các giấy tờ liên quan khác:
 - + *Đối với cá nhân trong nước:*
 - Xuất trình Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu, giấy tờ tùy thân hợp lệ để tiến hành đổi chiếu.
 - kê khai địa chỉ cụ thể, chính xác và rõ ràng.
 - + *Đối với tổ chức trong nước:*
 - Nếu người Đại diện theo pháp luật không đăng ký trực tiếp thì phải có Giấy ủy quyền hợp lệ do người Đại diện theo pháp luật của tổ chức ủy quyền cho người đăng ký tham dự. Người được ủy quyền phải mang theo Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc giấy tờ tùy thân hợp lệ khi đăng ký tham dự đấu giá.
 - Bản sao được chứng thực, công chứng hợp lệ văn bản chứng minh tư cách pháp lý của tổ chức đó (Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Quyết định thành lập...)
 - + *Đối với cá nhân, tổ chức nước ngoài:*
 - Bản sao Hộ chiếu/Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân (trường hợp ủy quyền đấu giá cho người Việt Nam).
 - Giấy ủy quyền hợp lệ (nếu có).
 - Xuất trình giấy mở tài khoản tại một tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán đang hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.
 - Đối với tổ chức: Ngoài các hồ sơ trên, cần có thêm Bản sao được chứng thực, công chứng hợp lệ văn bản chứng minh tư cách pháp lý của tổ chức (Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép thành lập...), Công văn ủy quyền hợp lệ cho người đại diện tổ chức đó tham dự đấu giá (trong trường hợp đây không phải là người đại diện pháp lý của tổ chức đó).

3.4. Quy định về nộp tiền đặt cọc và tiền mua cổ phần

Nhà đầu tư có thể nộp tiền mặt hoặc chuyển khoản vào các tài khoản của các đại lý đấu giá được công bố trong quy chế đấu giá.



3.5. Giới hạn về số lượng cổ phần đăng ký tham dự đấu giá

Mỗi nhà đầu tư được phép mua với khối lượng tối thiểu 100 cổ phần và tối đa bằng tổng số lượng cổ phần chào bán là 206.845.900 cổ phần.

4. Tổ chức phiên đấu giá, thu tiền mua cổ phần và hoàn trả tiền đặt cọc

4.1. Thời gian tổ chức buổi đấu giá:

8h30 ngày 25/01/2018

4.2. Địa điểm tổ chức bán đấu giá cổ phần: SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Trụ sở chính: 16 Võ Văn Kiệt, Quận 1, TPHCM

Điện thoại: 028.3821 7713

Fax: 028.3821 7452

Website: www.hsx.vn

4.3. Thanh toán tiền mua cổ phần và hoàn trả tiền đặt cọc:

- Thanh toán tiền mua cổ phần: từ ngày 26/01/2018 đến ngày 03/02/2018 Nhà đầu tư có thể nộp tiền mặt hoặc chuyển khoản vào tài khoản của các đại lý đấu giá nơi mà nhà đầu tư đăng ký tham dự đấu giá.

- Hoàn trả tiền đặt cọc: từ ngày 26/01/2018 đến ngày 01/02/2018, tại các địa điểm đã đăng ký tham dự đấu giá.

4.4. Tổ chức tư vấn: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

Trụ sở chính: Tháp tài chính Bitexco, Lầu 15, 2 Hải Triều, Quận 1, TPHCM

Điện thoại: 028.3914 3588

Fax: 028.3914 3209

Website: www.vcsc.com.vn

MỤC LỤC

THÔNG TIN VỀ ĐỢT BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN LẦN ĐẦU	3
1. Tổ chức phát hành	3
2. Cổ phần chào bán đấu giá	3
3. Công bố thông tin doanh nghiệp và đăng ký mua cổ phần	3
4. Tổ chức phiên đấu giá, thu tiền mua cổ phần và hoàn trả tiền đặt cọc	5
CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT	9
PHẦN 1: THÔNG TIN CHUNG LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT BÁN ĐẤU GIÁ VÀ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA	11
I. CƠ SỞ PHÁP LÝ CỦA ĐỢT BÁN ĐẤU GIÁ	11
II. BAN CHỈ ĐẠO CỔ PHẦN HÓA VÀ TỔ GIÚP VIỆC BAN CHỈ ĐẠO CỔ PHẦN HÓA	12
1. Ban Chỉ đạo cổ phần hóa	12
2. Tổ Giúp việc Ban chỉ đạo Cổ phần hóa	13
III. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH VỀ NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN	13
1. Tổ chức công bố thông tin	13
2. Tổ chức tư vấn đấu giá trong nước	13
IV. Giới thiệu chung về doanh nghiệp	14
1. Ngành nghề kinh doanh	14
2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	14
3. Những điểm nổi bật của doanh nghiệp	16
4. Tổ chức bộ máy	18
5. Tình hình sử dụng lao động	24
V. Giá trị doanh nghiệp	24
VI. Tài sản chủ yếu của doanh nghiệp	27
1. Tình hình tài sản cố định của Công ty	27
2. Tình hình đất đai đang quản lý, sử dụng	28
PHẦN 2: TÌNH HÌNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH 03 NĂM TRƯỚC CỔ PHẦN HÓA (2014-2016)	30
I. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	30
1. Hoạt động kinh doanh	30
2. Hoạt động đầu tư	36
II. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động SXKD 3 năm trước cổ phần hóa	38
1. Tình hình tài sản	38
2. Tình hình nguồn vốn	41
3. Kết quả hoạt động kinh doanh của PVOIL qua các năm	44
4. Một số chỉ số tài chính chủ yếu	45
III. Vị thế của Công ty	47

1.	Vị thế của PVOIL trong Tập đoàn dầu khí	47
2.	Vị thế trong lĩnh vực kinh doanh sản phẩm dầu	47
3.	Phân tích SWOT	48
4.	Triển vọng phát triển ngành	49
PHẦN 3: KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP SAU CỔ PHẦN HÓA		50
I. Phương án tổ chức Công ty		50
1.	Thông tin chung về doanh nghiệp sau cổ phần hóa	50
2.	Ngành nghề kinh doanh	50
3.	Mô hình tổ chức	50
4.	Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ	53
II. Kế hoạch kinh doanh giai đoạn 2018-2022		53
1.	Lĩnh vực ủy thác xuất nhập khẩu dầu thô	53
2.	Sản xuất, pha chế xăng dầu	54
3.	Kinh doanh phân phối sản phẩm dầu	54
4.	Kinh doanh dịch vụ khác	55
5.	Lợi nhuận và các chỉ tiêu tài chính hợp nhất	55
III. Kế hoạch đầu tư giai đoạn 2018-2022		57
1.	Đầu tư XD/CB và mua sắm trang thiết bị	57
2.	Đầu tư tài chính dài hạn	57
3.	Nguồn vốn đầu tư	58
IV. Giải pháp thực hiện		58
1.	Giải pháp về thị trường và sản phẩm	58
2.	Giải pháp về vốn và tài sản	59
3.	Giải pháp về đầu tư	59
4.	Giải pháp về quản lý	59
5.	Giải pháp về mua bán sáp nhập (M&A)	60
V. Kế hoạch thoái vốn tại Petec		60
VI. Rủi ro dự kiến		61
1.	Rủi ro kinh tế	61
2.	Rủi ro về giá dầu và điều hành giá của Chính phủ	61
3.	Rủi ro cháy nổ, ô nhiễm môi trường	62
4.	Rủi ro về pháp luật	62
5.	Rủi ro của đợt chào bán	62
6.	Rủi ro khác	62
PHẦN 4: THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN		63
I. Phương thức chào bán cổ phần		63
1.	Cơ cấu chào bán	63
2.	Phát hành cổ phần lần đầu ra công chúng trong nước (IPO)	63

3.	Phát hành cổ phần cho người lao động	64
4.	Phát hành cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược	64
5.	Thanh toán tiền mua cổ phần	65
II.	Kế hoạch sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa	65
III.	Niêm yết, đăng ký giao dịch cổ phiếu trên thị trường chứng khoán	65
	PHẦN 5: KẾT LUẬN	66
	Phụ lục 1: DANH SÁCH VÀ PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG ĐẤT	68
	Phụ lục 2: HỆ THỐNG KHO XĂNG DẦU CỦA PVOIL	73
	Phụ lục 3: HỆ THỐNG CỬA HÀNG XĂNG DẦU TRỰC THUỘC PVOIL	75
	Phụ lục 4: QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA PVOIL	76

CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT

Các từ hoặc nhóm từ viết tắt trong Bản Công bố thông tin này có nội dung như sau:

Từ ngữ, khái niệm	Diễn giải
Bản công bố thông tin	Bản công bố thông tin của Công ty về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh nhằm cung cấp cho các nhà đầu tư đánh giá và đưa ra các quyết định đầu tư.
BKS	Ban kiểm soát
BTGD	Ban Tổng Giám đốc
BCTC	Báo cáo tài chính
Cổ phần	Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau. Mệnh giá một (01) cổ phần là 10.000 đồng
Cổ phiếu	Là chứng chỉ do công ty cổ phần phát hành hoặc bút toán ghi sổ xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của cổ đông tại công ty.
Cổ tức	Khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của Công ty sau khi thực hiện các nghĩa vụ về tài chính
Công ty, PVOIL, TCT	Tổng Công ty Dầu Việt Nam
CTCP	Công ty cổ phần
CPH	Cổ phần hóa
CHXD	Cửa hàng xăng dầu (cây xăng)
ĐVT	Đơn vị tính
ERP	Hệ thống quản trị doanh nghiệp
GTDN	Giá trị doanh nghiệp
HĐQT	Hội đồng quản trị
HĐTV	Hội đồng thành viên
KDXD	Kinh doanh xăng dầu
KHCN	Khách hàng công nghiệp
IPO	Phát hành lần đầu cổ phiếu ra công chúng
PVN, Tập đoàn	Tập đoàn dầu khí Việt Nam
TNHH MTV	Trách nhiệm hữu hạn một thành viên
Tổ chức tư vấn	Công ty Cổ phần Chứng Khoán Bản Việt

TTCK	Thị trường chứng khoán
TSCĐ	Tài sản cố định
SXKD	Sản xuất kinh doanh
SCADA	Hệ thống Thu thập dữ liệu và điều khiển giám sát
NLSH	Nhiên liệu sinh học
NMLD	Nhà máy lọc dầu
M&A	Hoạt động mua bán sáp nhập doanh nghiệp
XDCB	Xây dựng cơ bản
Xăng E5/E5	Xăng sinh học E5 Ron 92
XDDK	Xăng dầu dầu khí
XNK	Xuất nhập khẩu

PHẦN 1: THÔNG TIN CHUNG LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT BÁN ĐẦU GIÁ VÀ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA

I. CƠ SỞ PHÁP LÝ CỦA ĐỢT BÁN ĐẦU GIÁ

- Luật Doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;
- Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành Công ty cổ phần;
- Nghị định số 189/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành Công ty cổ phần;
- Nghị định 116/2015/NĐ-CP ngày 11/11/2015 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính Phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;
- Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài chính Hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thực hiện chuyển đổi thành Công ty cổ phần;
- Quyết định số 58/2016/QĐ-TTg ngày 28/12/2016 về việc phân loại doanh nghiệp Nhà nước, doanh nghiệp có vốn Nhà nước và danh mục doanh nghiệp nhà nước thực hiện sắp xếp lại giai đoạn 2016-2020;
- Nghị định số 63/2015/NĐ-CP ngày 22/7/2015 của Chính phủ quy định chính sách đối với người lao động dôi dư trong Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu;
- Thông tư số 44/2015/TT-BLĐTBXH ngày 22/10/2015 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 63/2015/NĐ-CP ngày 22/7/2015 của Chính phủ quy định chính sách đối với người lao động dôi dư khi sắp xếp lại Công ty TNHH một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu;
- Thông tư số 33/2012/TT-BLĐTBXH ngày 20/12/2012 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện chính sách đối với người lao động theo Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành Công ty cổ phần;
- Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05/9/2014 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành Công ty cổ phần theo quy định tại Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ;
- Quyết định số 1197/QĐ-DKVN ngày 27/5/2015 về việc cổ phần hóa Tổng công ty Dầu Việt Nam – công ty TNHH MTV
- Quyết định số 2387/QĐ-DKVN ngày 31/10/2014 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc thành lập Ban chỉ đạo cổ phần hóa Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty TNHH MTV;
- Quyết định số 2751/QĐ-DKVN ngày 17/12/2014 và số 1391/QĐ-DKVN ngày 15/7/2016 của Trưởng ban Chỉ đạo cổ phần hóa Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty TNHH MTV về việc thành lập Tổ giúp việc Ban chỉ đạo cổ phần hóa Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty TNHH MTV;
- Quyết định số 05/QĐ-KTNN ngày 06/01/2017 của Kiểm toán Nhà nước về việc kiểm toán kết quả tư vấn định giá và xử lý các vấn đề tài chính trước khi công bố GTDN;
- Quyết định số 1220/QĐ-BCT ngày 10/4/2017 của Bộ Công Thương về việc xác định giá trị doanh nghiệp Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty TNHH MTV để cổ phần hóa;
- Quyết định số 1979/QĐ-TTg ngày 08/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt

phương án cổ phần hóa PVOIL;

- Các văn bản pháp luật liên quan.

II. BAN CHỈ ĐẠO CỔ PHẦN HÓA VÀ TỔ GIÚP VIỆC BAN CHỈ ĐẠO CỔ PHẦN HÓA

Ban Chỉ đạo Cổ phần hóa và Tổ Giúp việc Ban chỉ đạo Cổ phần hóa PVOIL được thành lập theo các Quyết định số 2387/QĐ-DKVN ngày 31/10/2104, số 2751/QĐ-DKVN ngày 17/12/2014 và số 1391/QĐ-DKVN ngày 15/7/2016, gồm các ông bà có tên sau:

1. Ban Chỉ đạo cổ phần hóa

STT	Họ và tên	Chức danh	Đơn vị	Nhiệm vụ
1	Đình Văn Sơn	Thành viên HĐQT	PVN	Trưởng ban
2	Nguyễn Sinh Khang	Phó Tổng Giám đốc	PVN	Phó ban
3	Phạm Tuấn Anh	Phó Vụ trưởng Vụ Đổi mới Doanh nghiệp	Văn phòng Chính phủ	Ủy viên
4	Ngô Thúy Quỳnh	Vụ Dầu Khí và Than	Bộ Công thương	Ủy viên
5	Trần Văn Duy	Trưởng phòng Tổ chức, Vụ Tổ chức cán bộ	Bộ Công thương	Ủy viên
6	Trần Diệu Oanh	Trưởng phòng Nghiệp vụ Tài chính II, Vụ Tài chính và Đổi mới Doanh nghiệp	Bộ Công thương	Ủy viên
7	Nguyễn Thị Thủy Tiên	Trưởng ban Kiểm soát nội bộ	PVN	Ủy viên
8	Trần Việt Dũng	Phó ban Tổ chức Nhân sự	PVN	Ủy viên
9	Trần Quốc Việt	Trưởng ban Kế hoạch	PVN	Ủy viên
10	Phan Anh Minh	Trưởng ban Pháp chế	PVN	Ủy viên
11	Hồ Ngọc Yến Phương	Trưởng ban Tài chính	PVN	Ủy viên
12	Nguyễn Hoàng Tuấn	Chủ tịch HĐQT	PVOIL	Ủy viên
13	Cao Hoài Dương	Tổng Giám đốc	PVOIL	Ủy viên
14	Vũ Hoài Lam	Phó Tổng Giám đốc	PVOIL	Ủy viên

2. Tổ Giúp việc Ban chỉ đạo Cổ phần hóa

STT	Họ và tên	Chức danh	Đơn vị	Nhiệm vụ
1	Cao Hoài Dương	Tổng giám đốc PVOIL	PVOIL	Tổ trưởng
2	Phạm Thành Vinh	Phó Tổng Giám đốc PVOIL	PVOIL	Tổ phó Thường trực
3	Lê Thu Hà	Phó ban Kiểm soát nội bộ	PVN	Tổ phó
4	Phan Thị Lan	Chuyên viên Ban Kiểm soát nội bộ	PVN	Tổ viên
5	Nguyễn Thị Thu Trang	Chuyên viên Ban Thương mại thị trường	PVN	Tổ viên
6	Lê Tài Đức	Chuyên viên Ban Tài chính Kế toán	PVN	Tổ viên
7	Nguyễn Thị Phương Lan	Chuyên viên Ban Kế hoạch	PVN	Tổ viên
8	Chu Cẩm Uyên	Chuyên viên Ban Tổ chức Nhân sự	PVN	Tổ viên
9	Nguyễn Đăng Trình	Kế toán trưởng	PVOIL	Tổ viên
10	Đỗ Mạnh Bình	Trưởng ban Kế hoạch	PVOIL	Tổ viên
11	Nguyễn Hải Nam	Trưởng ban Ban Tổ chức Nhân sự	PVOIL	Tổ viên
12	Hoàng Đình Tùng	Trưởng ban – Ban Kinh doanh Sản phẩm dầu	PVOIL	Tổ viên
13	Trương Đại Hoàng	Trưởng ban Ban Đầu tư - Xây dựng	PVOIL	Tổ viên

III. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH VỀ NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN
1. Tổ chức công bố thông tin

- Ông Nguyễn Hoàng Tuấn Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Thành viên
- Ông Cao Hoài Dương Chức vụ: Tổng Giám đốc
- Ông Nguyễn Đăng Trình Chức vụ: Kế toán trưởng

Những người có tên được nêu trên đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản Công bố thông tin này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này.

2. Tổ chức tư vấn đầu giá trong nước

- Ông Tô Hải Chức vụ: Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt (VCSC)

Bản Công bố thông tin này là một phần của hồ sơ chào bán do Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng tư vấn với PVOIL. Chúng tôi đảm bảo rằng việc lựa chọn ngôn từ trên Công bố thông tin này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do PVOIL cung cấp. Chúng tôi lưu ý rằng, nội dung Bản công

bổ thông tin này thực hiện theo các quy định của pháp luật liên quan mà không bao hàm đảm bảo giá trị của cổ phần.

IV. Giới thiệu chung về doanh nghiệp

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt: TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM – CÔNG TY TNHH MTV
- Tên giao dịch bằng tiếng Anh: PETROVIETNAM OIL CORPORATION
- Tên giao dịch viết tắt: PVOIL CORP
- Biểu tượng (logo):



- Địa chỉ đăng ký kinh doanh: Tầng 14-18, số 1-5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp.HCM
- Điện thoại: (84-28) 3910 6990 Fax: (84-28) 3910 6980
- Mã số thuế: 0305795054
- Website: www.pvoil.com.vn Email: contact@pvoil.com.vn
- Vốn điều lệ: 10.884.251.000.000 đồng (Mười ngàn tám trăm tám mươi bốn tỷ hai trăm năm mươi một triệu đồng)

1. Ngành nghề kinh doanh

Tổng công ty Dầu Việt Nam được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0305795054 ngày 26/06/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 16/01/2016, gồm các ngành nghề chính như sau:

- Xuất nhập khẩu và kinh doanh dầu thô trong và ngoài nước;
- Sản xuất sản phẩm dầu và Ethanol (E100);
- Xuất nhập khẩu và kinh doanh phân phối các sản phẩm dầu trong và ngoài nước;
- Kinh doanh và xuất nhập khẩu sản phẩm Ethanol (E100);
- Kinh doanh khác: vận tải xăng dầu, cho thuê kho bãi, môi giới và cung ứng dịch vụ tàu biển.

2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Tổng công ty Dầu Việt Nam (PVOIL) là đơn vị thành viên trực thuộc Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam, được thành lập theo Quyết định số 1250/QĐ-DKVN ngày 06/06/2008 của Tập đoàn trên cơ sở hợp nhất Tổng công ty Thương mại dầu khí (Petechim) và Công ty Chế biến và Kinh doanh sản phẩm dầu (PDC). Sau khi nhận chuyển nhượng mảng KDXD từ Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC) năm 2009 và tiếp nhận phần vốn của Tập đoàn tại PETEC vào đầu năm 2013, PVOIL trở thành đơn vị duy nhất của Tập đoàn tham gia phát triển hoàn chỉnh khâu hạ nguồn của ngành Dầu khí trong các lĩnh vực xuất nhập khẩu, kinh doanh dầu thô và chế biến, tồn trữ, phân phối các sản phẩm dầu.

PVOIL ra đời, đánh dấu bước hoàn tất công tác tái cấu trúc, hợp nhất 04 đầu mối KDXD của Tập đoàn dầu khí Việt Nam gồm PetroMekong, PDC, Petechim và PETEC.

Trong 09 năm hoạt động dưới thương hiệu PVOIL, ngoài việc tiếp nhận chuyển nhượng hệ thống

KDXD từ các đơn vị trong ngành, PVOIL đã liên tục phát triển mở rộng hệ thống mạng lưới KDXD trong và ngoài nước thông qua mua bán sáp nhập doanh nghiệp. Năm 2010, PVOIL đã mua toàn bộ hệ thống KDXD của Shell Lào, thành lập PVOIL Lào; nhận chuyển nhượng vốn từ Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước (SCIC) tại 08 công ty có hoạt động KDXD để thành lập các công ty con tại các tỉnh. Năm 2013, PVOIL hoàn tất việc mua chi phối tại CTCP Thương mại XNK Thủ Đức (Timexco). Năm 2014, PVOIL tiếp tục nhận chuyển nhượng toàn bộ hệ thống KDXD mặt đất của Công ty TNHH MTV Xăng dầu Hàng không (“Vinapco”). Bên cạnh đó, PVOIL cũng liên tục gia tăng tỷ lệ sở hữu tại các doanh nghiệp KDXD khác như CTCP Vật tư xăng dầu COMECO.

Trong suốt quá trình hoạt động, PVOIL đã không ngừng tái cấu trúc, sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp theo định hướng tối ưu bộ máy, tập trung vào các hoạt động cốt lõi nhằm gia tăng hiệu quả hoạt động. PVOIL cũng đã thực hiện việc chuyển đổi mô hình hoạt động của Tổng Công ty sang hình thức công ty mẹ - con.


Các dấu mốc lịch sử trong quá trình hình thành và phát triển PVOIL cụ thể như sau:


Thời điểm	Thành lập và phát triển	Quy mô công ty
1994	Tổng công ty thương mại Dầu khí (Petechim) được thành lập vào ngày 08/04/1994 trên cơ sở tách ra từ Công ty Xuất nhập khẩu (Petechim) của Bộ Thương mại (thành lập năm 1981) với lĩnh vực kinh doanh chính là xuất nhập khẩu dầu thô và vật tư thiết bị ngành dầu khí.	
1996-2007	Công ty Chế biến Kinh doanh Sản phẩm Dầu mỏ (PDC): được thành lập năm 1996 trên cơ sở sắp xếp lại tổ chức 2 công ty gồm Công ty Lọc hóa dầu Tuy Hạ và Công ty Dầu mỡ nhờn VIDAMO. Đến năm 2001, 02 Xí nghiệp KDXD thuộc Công ty PTSC được sáp nhập vào PDC. Tháng 10/2007, Tập đoàn đã chuyển quyền sở hữu phần vốn góp của Tập đoàn tại Công ty TNHH Dầu khí Mekong (PetroMekong) cho Công ty PDC.	
2008	PVOIL được thành lập theo Quyết định số 1250/QĐ-DKVN ngày 06/06/2008 của Tập đoàn trên cơ sở hợp nhất Tổng công ty Thương mại dầu khí (Petechim), Công ty Chế biến và Kinh doanh sản phẩm dầu (PDC) với mục tiêu trở thành đơn vị duy nhất của Tập đoàn tham gia phát triển hoàn chỉnh khâu hạ nguồn của ngành dầu khí.	35 đơn vị trực thuộc, 04 công ty con, 10 công ty liên doanh liên kết và đầu tư tài chính.
Giai đoạn 2010 - 2012	<ul style="list-style-type: none"> - Chuyển đổi 10 đơn vị thành viên thành CTCP - Mua 08 công ty KDXD của SCIC; - Mua 05 công ty tại các tỉnh: Vĩnh Long, Ninh 	30 công ty con 5 đơn vị trực thuộc 17 công ty liên kết

Thời điểm	Thành lập và phát triển	Quy mô công ty
	Bình, Thái Nguyên, Kiên Giang, Bình Dương; - Mua 100% vốn của Shell Lào và thành lập PVOIL Lào; - Thoái vốn và giải thể một số công ty không cùng ngành nghề kinh doanh chính.	
2013	- Nhận phần vốn của Tập đoàn tại PETEC; - Thoái vốn tại CTCP Thương mại tổng hợp Bắc Giang.	31 công ty con 13 đơn vị trực thuộc 12 công ty liên doanh, liên kết
2014	- Nhận chuyển giao hệ thống kinh doanh xăng dầu mặt đất của Vinapco; - Mua chi phối tại CTCP Thương mại XNK Thủ Đức (Timexco).	30 công ty con 11 đơn vị trực thuộc 12 công ty liên doanh, liên kết
2016	- Chuyển nhượng vốn tại PVOIL Singapre từ Công ty TNHH MTV xuống thành công ty 02 thành viên. - Chia tách Thái Bình PSC từ PVOIL Thái Bình.	30 công ty con 05 đơn vị trực thuộc 11 công ty liên doanh, liên kết
2017	- Chuyển nhượng vốn tại PVOIL Kiên Giang, chuyển thành công ty liên kết - Thoái toàn bộ vốn tại PVOIL Quảng Ninh, Thái Nguyên - Thành lập PVOIL Campuchia	28 công ty con 09 đơn vị trực thuộc 12 công ty liên doanh, liên kết


3. Những điểm nổi bật của doanh nghiệp







3.1. PVOIL là đơn vị duy nhất thực hiện dịch vụ ủy thác XNK dầu thô

 PVOIL là doanh nghiệp duy nhất tại Việt Nam tổ chức tiếp thị và thực hiện dịch vụ ủy thác xuất/bán dầu thô Việt Nam và dầu thô của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam khai thác tại các mỏ nước ngoài với sản lượng bình quân 15 triệu tấn/năm. Từ năm 1994 đến nay, PVOIL đã xuất bán an toàn và hiệu quả tổng cộng gần 360 triệu tấn dầu thô các loại.

 PVOIL cung cấp toàn bộ dầu thô nguyên liệu cho NMLD Dung Quất với sản lượng bình quân 7 triệu tấn/năm từ nguồn trong nước và nhập khẩu.

3.2. PVOIL đứng thứ 2 trong lĩnh vực kinh doanh phân phối xăng dầu trong nước và tại Lào

 PVOIL chiếm 20-22% thị phần nội địa với sản lượng 3,2 triệu m³/tấn/năm, đứng vị trí thứ 2 trên thị trường.

-  Tại Lào, PVOIL đứng thứ 2 với khoảng 20% thị phần bán lẻ và khoảng 15% thị phần tổng tất cả các kênh phân phối (bán buôn, bán lẻ...);
-  PVOIL là một trong hai doanh nghiệp (PVOIL và Petrolimex) có mạng lưới phân phối phủ khắp 63 tỉnh thành trên cả nước với khoảng 3.500 CHXD, trong đó có gần 540 CHXD do PVOIL trực tiếp quản lý/vận hành và 3.000 CHXD đại lý. Tại Lào, PVOIL có 120 CHXD tại 16/18 tỉnh thành;
-  PVOIL có hệ thống cơ sở vật chất đồng bộ và hiện đại phục vụ kinh doanh:
 - Hệ thống hơn 30 kho xăng dầu lớn nhỏ với sức chứa gần 1 triệu m³ trải dài khắp cả nước; hệ thống cầu cảng đường thủy và đường sông từ 300-50.000 DWT đảm bảo việc nhập xuất xăng dầu phục vụ kinh doanh. Hệ thống kho của PVOIL được trang bị đồng bộ về công nghệ và ứng dụng các phần mềm quản lý hàng hóa và điều khiển tự động hóa (ERP, TAS, SCADA);
 - 120 xe bồn vận chuyển xăng dầu tổng dung tích 2.000 m³; 7 xà lan tổng dung tích 4.000 m³;
 - Quản lý sử dụng gần 1.500.000 m² đất phục vụ kinh doanh là các kho xăng dầu và CHXD, trong đó thuộc quản lý của công ty mẹ 600.000 m².
-  PVOIL có chuỗi kinh doanh khép kín và đồng bộ, từ khâu tạo nguồn đến khâu phân phối. Trong đó, công ty mẹ là đầu mối duy nhất tạo nguồn thông qua nhập khẩu, mua từ NMLD trong nước và tự pha chế, sản xuất. Hàng hóa sau đó được tập trung về các kho hệ thống để đưa đi tiêu thụ thông qua 24 công ty con và một phần bán trực tiếp cho khách hàng công nghiệp. Các công ty con thực hiện kinh doanh bán buôn, bán lẻ thông qua hệ thống các CHXD tại các vùng thị trường được phân công theo chính sách chung của PVOIL, đồng thời thực hiện một phần chức năng đầu mối của Công ty mẹ.
-  Là đơn vị thành viên của Tập đoàn dầu khí Việt Nam, PVOIL được hưởng lợi thế từ hai NMLD mà Tập đoàn có vốn góp là NMLD Dung Quất (sở hữu 100% vốn, hiện đang thực hiện cổ phần hóa và PVN nắm giữ 49% sau cổ phần hóa) và NMLD Nghi Sơn (sở hữu 25,1% vốn). Trong nước hiện chỉ có hai NMLD này và là 2 nguồn cung cấp xăng dầu chiếm tới xấp xỉ 80% nhu cầu cả nước.
-  PVOIL Singapore (PVOIL sở hữu 51%) hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh dầu thô và sản phẩm xăng dầu trên thị trường quốc tế với sản lượng kinh doanh tổng cộng từ khi thành lập (năm 2011) đến nay đạt trên 7 triệu tấn.

3.3. PVOIL là đơn vị tiên phong trong lĩnh vực nhiên liệu sinh học

PVOIL có góp vốn tại 3 nhà máy NLSH với công suất 100.000 m³ E100/năm/nhà máy và có 10 trạm pha chế xăng sinh học với tổng công suất pha chế đạt gần 900.000m³ E5 /năm.

Tên Công ty	Địa điểm	Công suất thiết kế	Tỷ lệ vốn góp của PVOIL
Công ty Hóa dầu và NLSH dầu khí (PVB)	Tỉnh Phú Thọ	100.000 m ³ E100/năm	39,76%
Công ty NLSH Miền Trung (BSR –BF)	Tỉnh Quảng Ngãi	100.000 m ³ E100/năm	34,28%
Công ty NLSH Phương Đông (OBF)	Tỉnh Bình Phước	100.000 m ³ E100/năm	31,12%

Đây là một lợi thế lớn của PVOIL trong việc chủ động về nguồn cung Ethanol (E100) và tổ chức pha chế xăng sinh học khi cả nước triển khai thực hiện lộ trình sử dụng NLSH của Chính

phủ. Theo đó, kể từ 01/01/2018, tất cả xăng A92 truyền thống sẽ được thay bằng xăng sinh học E5 và tiến đến E10 và Diesel sinh học trong tương lai.

3.4. Tiềm năng phát triển

- Với thị phần 20-22% đồng nghĩa với việc PVOIL còn nhiều dư địa phát triển so với mức trần 50% thị phần theo quy định của Luật Cạnh tranh. Đồng thời, với qui mô sản xuất kinh doanh cũng như năng lực tài chính hiện tại và kinh nghiệm thành công trong rất nhiều thương vụ M&A thời gian qua, PVOIL có điều kiện thuận lợi để mua lại các công ty nhỏ (thông qua M&A) trong tương lai nhằm nhanh chóng mở rộng hệ thống bán lẻ, nâng cao sản lượng, gia tăng mạnh mẽ thị phần và từ đó cải thiện hiệu quả SXKD.
- Hiện nay, hầu hết các CHXD của PVOIL chưa triển khai các hoạt động kinh doanh phi xăng dầu (non-oil services), như: cửa hàng bán lẻ tiện ích (mini mart), rửa xe-thay dầu nhớt, café... trong khi các hoạt động này có thể đem lại dòng tiền mặt dồi dào và lợi nhuận đáng kể, bền vững. Đây chính là tiềm năng phát triển trong tương lai nhằm gia tăng lợi nhuận của PVOIL. Bởi lẽ, theo kinh nghiệm của các công ty kinh doanh xăng dầu trong khu vực ASEAN, lợi nhuận từ các hoạt động này có thể tương đương lợi nhuận bán lẻ xăng dầu.
- Kinh doanh, cung cấp nhiên liệu bay (JET A1) tại các sân bay cũng là hoạt động kinh doanh tiềm năng của PVOIL. Ngành vận tải hàng không của Việt Nam đang phát triển hết sức nhanh chóng nhưng hiện tại mới chỉ có 2 nhà cung cấp nhiên liệu hàng không là Skypac và Petrolimex Aviation. Thực tế mở ra cơ hội rất lớn cho PVOIL tham gia vào lĩnh vực kinh doanh này.
- Hiện nay, với tổng sức chứa xấp xỉ 1 triệu m³ hệ thống kho xăng dầu của mình, PVOIL mới đang khai thác khoảng 55% tổng công suất. Dư địa công suất này đủ để PVOIL mở rộng thị trường và nâng gấp đôi sản lượng trong 5-7 năm tới.

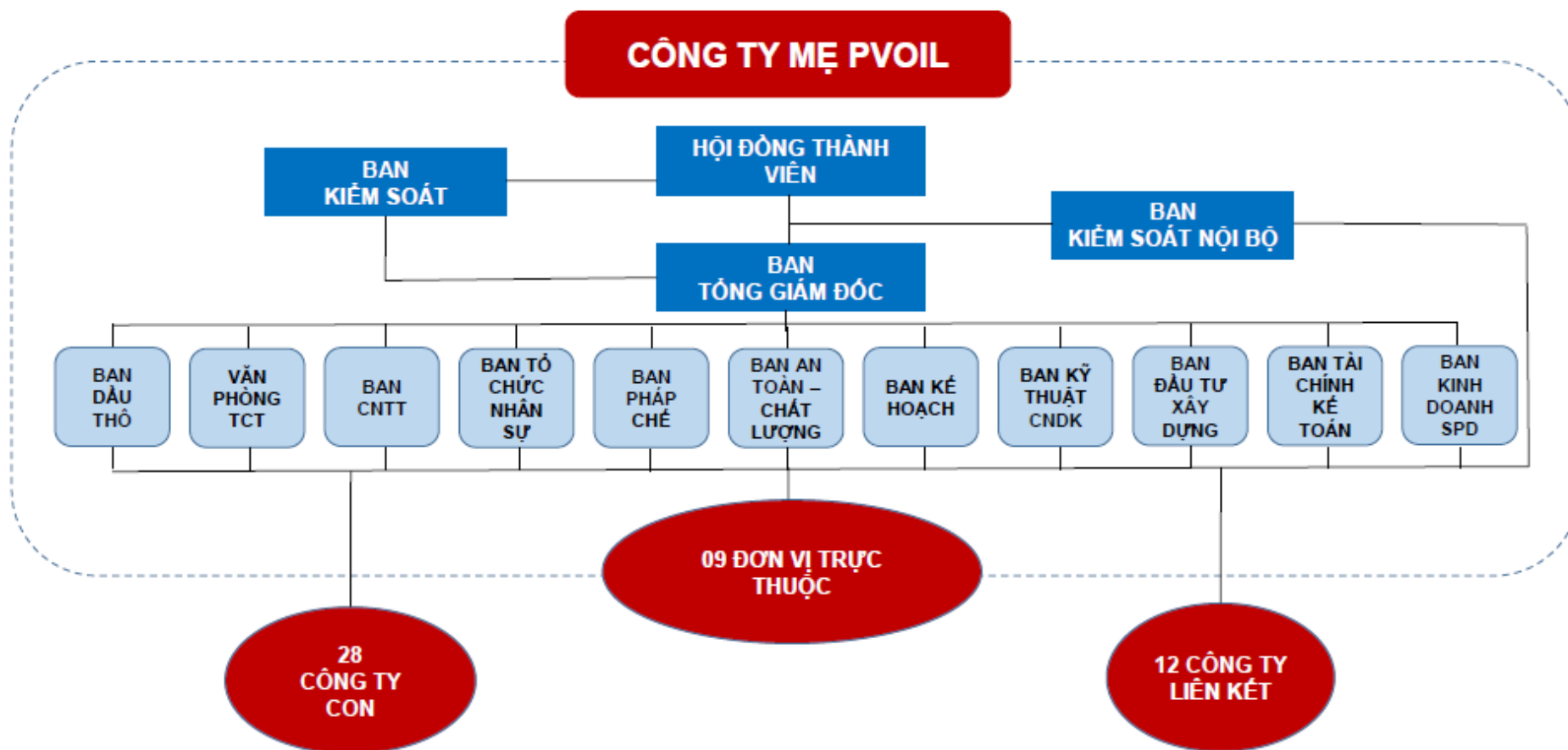
4. Tổ chức bộ máy

4.1. Sơ đồ tổ chức hệ thống PVOIL

Kể từ năm 2010, PVOIL chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty mẹ - con. Trong đó, Công ty Mẹ PVOIL là công ty trách nhiệm hữu hạn 1 thành viên do Tập đoàn Dầu khí Việt Nam nắm giữ 100% vốn. Các công ty con là công ty cổ phần và TNHH MTV.

Sơ đồ tổ chức của PVOIL ở thời điểm hiện tại như sau:

HIỆN TRẠNG SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CỦA PVOIL



4.2. Các đơn vị trực thuộc

STT	Tên đơn vị trực thuộc	Địa chỉ	Chức năng - Nhiệm vụ
1	Xí nghiệp Tổng kho Xăng dầu Đình Vũ	Lô F6, Khu Công nghiệp Đình Vũ, Đông Hải II, Hải An, TP Hải Phòng	Tồn chứa, bảo quản, xuất nhập và pha chế xăng dầu.
2	Chi nhánh Tổng công ty Dầu tại Quảng Ngãi – Kho Xăng dầu Quảng Ngãi	Tổ 2, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng	Tồn chứa, bảo quản, xuất nhập và pha chế xăng dầu
3	Xí nghiệp Tổng kho Xăng dầu Miền Đông	54B, Đường 30/4, Phường Thảng Nhất, TP Vũng Tàu	Tồn chứa, bảo quản, xuất nhập và pha chế xăng dầu
4	Xí nghiệp Tổng kho Xăng dầu Nhà Bè	Ấp 4, xã Phú Xuân, Nhà Bè, TP Hồ Chí Minh	Tồn chứa, bảo quản, xuất nhập và pha chế xăng dầu
5	Chi nhánh Tổng công ty Dầu tại Nghi Sơn – Kho Xăng dầu Nghi Sơn	Khu kinh tế Nghi Sơn, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa	Tồn chứa, bảo quản, xuất nhập và pha chế xăng dầu
6	Chi nhánh Tổng công ty Dầu tại Bà Rịa – Vũng Tàu	Số 9, Nguyễn Thái Học, Phường 7, TP Vũng Tàu	Giao nhận xuất nhập khẩu dầu thô và condensate và dịch vụ giao nhận
7	Chi nhánh Tổng Công ty Dầu tại Thừa Thiên – Huế	Thôn Phú Hải I, huyện Phú Lộc, Thừa Thiên Huế	Thực hiện các thủ tục tạm nhập – tái xuất xăng dầu qua Lào
8	Chi nhánh Tổng Công ty Dầu tại Hà Tĩnh	417 Trần Phú, TP Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh	Thực hiện các thủ tục tạm nhập – tái xuất xăng dầu qua Lào
9	VPĐD của PVOIL tại Myanmar	Tòa nhà Myanmar Center Tower No.192 Kaba Aye Pagoda, đường Bahan Township, TP Yangon	Xúc tiến thương mại tại thị trường Myanmar

4.3. Các công ty con

PVOIL hiện có 28 công ty con, trong đó có 26 công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh dầu thô và SXKD sản phẩm dầu và 02 công ty hoạt động trong lĩnh vực khác. PVOIL có 03 công ty ở nước ngoài. Cụ thể:

STT	Tên Công ty Con	Trụ sở chính	Vốn điều lệ đăng ký	Tỷ lệ sở hữu của PVOIL	Lĩnh vực kinh doanh chủ yếu
Các Công ty con ở nước ngoài					
1	PVOIL Lào	Vientiane, Lào	8.353.498 USD	100,00%	KDXD tại thị trường Lào
2	PVOIL Singapore	Singapore	5.000.000 USD	51,00%	Kinh doanh dầu thô và sản phẩm dầu trên thị trường quốc tế
3	PVOIL Campuchia	Campuchia	10.000.000 USD	51,00%	Kinh doanh và xuất nhập khẩu xăng dầu, condensate và các sản phẩm dầu khí
Các công ty con tại Việt Nam					
4	PVOIL Hà Nội	Hà Nội	250 tỷ đồng	71,35%	KDXD
5	PVOIL Hải Phòng	Hải Phòng	75 tỷ đồng	72,00%	KDXD
6	PVOIL Cái Lân	Quảng Ninh	100 tỷ đồng	80,19%	KDXD và cho thuê kho
7	PVOIL Hà Giang	Hà Giang	11,29 tỷ đồng	80,37%	KDXD
8	PVOIL Phú Thọ	Phú Thọ	50 tỷ đồng	71,68%	KDXD, cho thuê kho và bất động sản.
9	PVOIL Thái Bình	Thái Bình	109 tỷ đồng	68,00%	KDXD và cho thuê kho.
10	PVOIL Nam Định	Nam Định	66,6 tỷ đồng	56,75%	KDXD

11	PVOIL Thanh Hóa	Thanh Hóa	97,2 tỷ đồng	56,86%	KDXD và cho thuê kho.
12	PVOIL Vũng Áng	Hà Tĩnh	100 tỷ đồng	56,50%	KDXD và cho thuê kho
13	PVOIL TT Huế	Huế	80 tỷ đồng	74,67%	KDXD và cho thuê kho
14	PVOIL Miền Trung	Quảng Ngãi	140 tỷ đồng	71,43%	KDXD và cho thuê kho.
15	PVOIL Phú Yên	Phú Yên	82,4 tỷ đồng	67,13%	KDXD và cho thuê kho.
16	PVOIL Bình Thuận	Bình Thuận	57 tỷ đồng	79,68%	KDXD
17	PVOIL Vũng Tàu	Bà Rịa – Vũng Tàu	120 tỷ đồng	57,18%	KDXD
18	CTCP Thương mại XNK Thủ Đức (Timexco)	Tp. Hồ Chí Minh	124 tỷ đồng	51,01%	KDXD; Kinh doanh thương mại dịch vụ và vật liệu xây dựng.
19	PVOIL Sài Gòn	TP. Hồ Chí Minh	200 tỷ đồng	65,18%	KDXD
20	Tổng Công ty Petec	TP.HCM	2.600 tỷ đồng	94,78%	KDXD, cho thuê kho và kinh doanh dịch vụ tổng hợp.
21	Petro Mekong	Cần Thơ	514 tỷ đồng	89,37%	KDXD và cho thuê kho.
22	PVOIL Bạc Liêu	Bạc Liêu	21,55 tỷ đồng	96,09%	KDXD và bách hoá tổng hợp.
23	PVOIL Trà Vinh	Trà Vinh	22,67 tỷ đồng	96,27%	KDXD và bách hoá tổng hợp.

24	PVOIL Tây Ninh	Tây Ninh	130 tỷ đồng	78,62%	KDXD và cho thuê kho.
25	PVOIL Trans	Tp. Hồ Chí Minh	50 tỷ đồng	71,00%	Kinh doanh vận tải xăng dầu.
26	PVOIL Phú Mỹ	Bà Rịa - Vũng Tàu	500 tỷ đồng	67,60%	Sản xuất và pha chế xăng dầu.
27	PVOIL LUBE	TP.HCM	89 tỷ đồng	62,67%	Sản xuất kinh doanh dầu mỡ nhờn và KDXD.
28	Thái Bình PSC	Thái Bình	21 tỷ đồng	64,78%	Sản xuất và kinh doanh nước khoáng

4.4. Công ty liên doanh, liên kết

PV OIL có vốn góp tại 12 công ty liên doanh, liên kết (trong đó có 03 nhà máy NLSH và 05 công ty KDXD)

TT	Tên Công ty liên kết	Trụ sở chính	Vốn điều lệ đăng ký	Tỷ lệ sở hữu của PVOIL	Lĩnh vực kinh doanh chủ yếu
1	PVOIL Ninh Bình	Ninh Bình	70 tỷ đồng	20,26%	KDXD
2	CTCP Vật tư Xăng dầu (Comeco)	TP.HCM	141,2 tỷ đồng	44,79%	KDXD
3	CTCP TM&DV Quảng Trị	Quảng Trị	3,3 tỷ đồng	45,00%	KDXD và thương mại dịch vụ.
4	CTCP Thương nghiệp Cà Mau	Cà Mau	121 tỷ đồng	24,26%	KDXD và thương mại dịch vụ.
5	CTCP Dầu khí Dương Đông Kiên Giang	Kiên Giang	46 tỷ	33,96%	KDXD
6	Công ty TNHH NLSH Phương Đông (OBF)	Bình Phước	34.500.000 USD	31,12%	Sản xuất, kinh doanh NLSH.

7	CTCP Hóa dầu và NLSH Dầu khí (PVB)	Hà Nội	696,805 tỷ đồng	39,76%	Sản xuất, kinh doanh NLSH.
8	CTCP NLSH Miền Trung (BSR –BF)	Quảng Ngãi	1.120 tỷ đồng	34,28%	Sản xuất, kinh doanh NLSH.
9	Công ty Petechim JSC	TP.HCM	200 tỷ đồng	29,00%	Dịch vụ XNK và thương mại dầu khí
10	Công ty TNHH Kho ngầm Xăng dầu dầu khí VN (PVOS)	TP.HCM	55,7 tỷ đồng	19,99%	Đầu tư xây dựng và cho thuê kho ngầm.
11	CTCP Điều Phú Yên	Phú Yên	48,6 tỷ đồng	47,79%	Sản xuất, chế biến hạt điều nhân xuất khẩu.
12	Công ty TNHH Hóa chất LG Vina	Tp.HCM	3,8 triệu USD	15%	SXKD chất dẻo DOP

5. Tình hình sử dụng lao động

5.1. Cơ cấu lao động của Công ty mẹ

Tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp (10/4/2017), tổng số lao động tại Công ty mẹ PVOIL là 790 người. Lao động chuyển sang công ty cổ phần dự kiến 770 người, trong đó:

Trình độ học vấn	Tổng số lao động	Tỷ lệ (%)
Trên Đại học	85	11,04
Đại học	433	56,23
Cao đẳng, Trung cấp	67	8,70
Khác (CNKT, sơ cấp, lao động phổ thông)	185	24,03
Tổng	770	100,00

5.2. Cơ cấu lao động của toàn hệ thống PVOIL

Tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp 10/4/2017, toàn hệ thống PVOIL có 5.829 người:

Trình độ học vấn	Tổng số lao động	Tỷ lệ (%)
Trên đại học	180	3,09
Đại học	2,099	36,01
Cao đẳng, Trung cấp	927	15,90
Khác (CNKT, sơ cấp, lao động phổ thông)	2,623	45,0
Tổng	5.829	100,00

V. Giá trị doanh nghiệp

Giá trị doanh nghiệp PVOIL được xác định bởi đơn vị tư vấn độc lập là CTCP Thông tin và Thẩm định giá Miền Nam và sau đó đã được Kiểm toán Nhà nước kiểm toán. Trên cơ sở báo cáo kết

quả kiểm toán tại Công văn số 150/KTNN-TH ngày 03/3/2017 của Kiểm toán Nhà nước, Bộ Công thương đã ban hành Quyết định số 1220/QĐ-BCT ngày 10/4/2017 công bố Giá trị doanh nghiệp của PVOIL. Theo đó, “**Giá trị thực tế của PVOIL và giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại PVOIL vào thời điểm 0h ngày 01/01/2016**” như sau:

ĐVT: đồng

TT	Chỉ tiêu	Số liệu sổ sách kế toán	Số liệu xác định lại	Chênh lệch
A	B	1	2	3=2-1
A	Tài sản đang dùng	18.194.609.408.815	19.308.923.500.571	1.114.314.091.756
I	TSCĐ và đầu tư dài hạn	5.689.307.980.021	6.231.205.669.855	541.897.689.834
1	Tài sản cố định	1.041.706.802.953	1.392.255.128.968	350.548.326.015
	- TSCĐ hữu hình	1.023.010.177.685	1.373.558.503.700	350.548.326.015
	- Tài sản vô hình không là QSD đất	18.696.625.268	18.696.625.268	-
2	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	4.362.823.962.014	4.550.110.929.210	187.286.967.196
	- Đầu tư vào công ty con	5.084.375.460.431	3.445.587.735.573	(1.638.787.724.858)
	- Đầu tư vào Cty liên kết, liên doanh	1.263.170.589.101	1.060.479.856.247	(202.690.732.854)
	- Đầu tư dài hạn khác	161.590.000.000	44.043.337.390	(117.546.662.610)
	- Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(2.146.312.087.518)	-	2.146.312.087.518
3	Chi phí XDCB dở dang	30.712.730.117	30.712.730.117	-
4	Các khoản phải thu dài hạn	15.000.000	15.000.000	-
5	Chi phí trả trước dài hạn	254.049.484.937	258.111.881.560	4.062.396.623
II	TSLĐ và đầu tư ngắn hạn	12.306.976.836.659	12.675.353.110.159	368.376.273.500
1	Tiền & các khoản tương đương tiền	5.812.307.669.005	5.802.067.893.284	(10.239.775.721)
2	Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-
3	Các khoản phải thu	5.127.644.027.998	5.259.122.298.186	131.478.270.188
	- Phải thu khách hàng	2.018.180.795.452	2.017.580.265.185	(600.530.267)
	- Trả trước cho người bán	25.690.860.164	25.686.795.962	(4.064.202)
	- Các khoản phải thu khác	3.158.760.280.346	3.215.855.237.039	57.094.956.693
	- DP các khoản phải thu khó đòi	(74.987.907.964)	-	74.987.907.964
4	Hàng tồn kho	1.272.534.543.121	1.519.672.322.154	247.137.779.033
	- Hàng tồn kho	1.522.689.613.806	1.519.672.322.154	(3.017.291.652)

TT	Chỉ tiêu	Số liệu sổ sách kế toán	Số liệu xác định lại	Chênh lệch
	- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(250.155.070.685)	-	250.155.070.685
5	Tài sản ngắn hạn khác	94.490.596.535	94.490.596.535	-
III	Giá trị lợi thế kinh doanh của DN	-	169.384.747.475	169.384.747.475
IV	Giá trị quyền sử dụng đất	198.324.592.135	232.979.973.082	34.655.380.947
B	Tài sản không cần dùng	-	-	-
C	Tài sản chờ thanh lý	-	-	-
D	Tài sản hình thành từ quỹ KT-PL	-	-	-
	TỔNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN CỦA DN (A+B+C+D)	18.194.609.408.815	19.308.923.500.571	1.114.314.091.756
E	Nợ thực tế phải trả	8.938.263.338.927	8.966.627.776.691	28.364.437.764
	TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ PHẦN VỐN NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP [A+B+C+D-E]	9.256.346.069.888	10.342.295.723.880	1.085.949.653.992

Nguồn: Báo cáo xác định giá trị doanh nghiệp

Tóm tắt kết quả xác định giá trị doanh nghiệp

❖ Tổng giá trị thực tế doanh nghiệp

- Giá trị sổ sách: 18.194.609.408.815 đồng
- Giá trị đánh giá lại: 19.308.923.500.571 đồng
- Chênh lệch: 1.114.314.091.756 đồng

❖ Tổng giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp

- Giá trị sổ sách: 9.256.346.069.888 đồng
- Giá trị đánh giá lại: 10.342.295.723.880 đồng
- Chênh lệch: 1.085.949.653.992 đồng

❖ Tài sản không tính vào giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa

Tài sản không tính vào giá trị doanh nghiệp gồm:

- Tài sản cố định hữu hình hư hỏng chờ thanh lý

Tại Công ty mẹ

- Nguyên giá 1.504.778.165 đồng
- Khấu hao lũy kế 1.504.778.165 đồng

Tại Công ty TNHH MTV Xăng dầu dầu khí Lào là tài sản hư hỏng chờ thanh lý có giá trị còn lại là 4.025.914.079 đồng (đã được tính khi xác định giá trị khoản đầu tư tài chính của Tổng Công ty tại Công ty TNHH MTV Xăng dầu dầu khí Lào).

- Công cụ hư hỏng chờ thanh lý

- Nguyên giá 499.849.704 đồng
- Giá trị còn lại theo sổ sách 0 đồng

Tổng Công ty có trách nhiệm tiếp tục bảo quản về mặt hiện vật, hồ sơ, tài liệu và bàn giao cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam để xử lý theo quy định tại Điểm b, Khoản 2, Điều 14 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính Phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần.

- Tài sản cố định là nhà cửa, vật kiến trúc thuộc diện nhà nước thu hồi
 - Nguyên giá 2.168.854.120 đồng
 - Khấu hao lũy kế 2.168.854.120 đồng

Tài sản này có địa điểm tại số G35-36 đường D2 (số mới là 297/2-4 đường D3), Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh và số 446/15 Bùi Đình Túy, Phường 12, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ chí Minh. Tổng Công ty có trách nhiệm tiếp tục bảo quản và xử lý theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

- Tài sản cố định hình thành từ nguồn Quỹ Khen thưởng Phúc lợi
 - Nguyên giá 1.897.893.232 đồng
 - Khấu hao lũy kế 1.897.893.232 đồng

Tài sản này là sân bóng, sân tennis hình thành từ Quỹ Khen thưởng Phúc lợi, Tổng Công ty có trách nhiệm chuyển giao cho tổ chức công đoàn của Công ty cổ phần quản lý, tổ chức sử dụng cho tập thể người lao động theo quy định tại Khoản 4 Điều 14 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP

Việc xác định giá trị khoản đầu tư tài chính dài hạn của Tổng Công ty vào Tổng Công ty Cổ phần Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư (PETEC) dựa theo giá trị sổ sách của PETEC (chưa được quyết toán cổ phần hóa do có nhiều vướng mắc về tài chính). Sau khi có ý kiến của Thủ tướng Chính phủ và cơ quan chức năng có thẩm quyền xử lý vướng mắc về tài chính khi cổ phần hóa PETEC, các vấn đề liên quan đến PETEC sẽ được điều chỉnh tại thời điểm quyết toán cổ phần hóa, chính thức chuyển Tổng Công ty sang công ty cổ phần.

VI. Tài sản chủ yếu của doanh nghiệp

1. Tình hình tài sản cố định của Công ty

Danh mục tài sản cố định của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2016 bao gồm các hạng mục chính chi tiết như sau:

Chỉ tiêu (ĐVT: Triệu đồng)	Nguyên giá	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại	Tỷ lệ GTCL/ Nguyên giá
I – TSCĐ HỮU HÌNH	5.311.337	2.848.354	2.462.983	46%
Nhà cửa, vật kiến trúc	3.559.759	1.635.918	1.923.841	54%
Máy móc, thiết bị	1.225.451	848.443	377.009	31%
Phương tiện vận tải	381.645	256.787	124.858	33%
Thiết bị quản lý	84.017	67.034	16.983	20%
Tài sản cố định khác	60.466	40.173	20.293	34%
II – TSCĐ THUÊ TÀI CHÍNH	2.319	854	1.465	63%
Phương tiện vận tải	2.319	854	1.465	63%

Chỉ tiêu (ĐVT: Triệu đồng)	Nguyên giá	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại	Tỷ lệ GTCL/ Nguyên giá
III – TSCĐ VÔ HÌNH	1.647.695	156.084	1.491.611	91%
Quyền sử dụng đất	1.589.397	112.651	1.476.746	93%
Phần mềm máy tính	57.522	43.004	14.518	25%
Khác	776	428,6	347	45%

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán 2016

2. Tình hình đất đai đang quản lý, sử dụng

Tổng công ty và các đơn vị thành viên đang quản lý sử dụng gần 1,45 triệu m² đất, trong đó có 1,4 triệu m² đất trong nước và hơn 49 ngàn m³ đất tại Lào

2.1. Đất trong nước

TT	Thống kê hiện trạng đất	Diện tích (m ²)		
		Công ty mẹ	Công ty con	Cộng
1	Đất xây dựng kho, cảng	428.973	277.051	706.024
2	Đất xây dựng CHXD	110.288	479.965	590.253
3	Đất làm văn phòng, nhà xưởng	1.372	103.560	104.932
	Tổng diện tích đất đang sử dụng	540.633	860.576	1.401.209
	<i>Đất thuê trả tiền hàng năm</i>	<i>406.051</i>	<i>604.452</i>	<i>1.010.503</i>
	<i>Đất thuê trả tiền một lần hoặc đất giao</i>	<i>134.582</i>	<i>256.124</i>	<i>390.706</i>

Tổng công ty – Công ty mẹ hiện đang quản lý, sử dụng tổng số 40 lô đất (gồm: 21 lô đất thuê trả tiền 1 lần/ nhận chuyển nhượng/ giao đất và 19 lô đất thuê trả tiền hàng năm). PVOIL đã xây dựng phương án sử dụng đất và xin ý kiến của các Ủy ban nhân dân cấp Tỉnh theo quy định, kết quả cụ thể như sau:

- Phương án sử dụng của toàn bộ 21 lô đất thuê trả tiền 1 lần/ nhận chuyển nhượng/ giao đất đã được UBND cấp Tỉnh chấp thuận. Giá trị các khu đất này đã được tính vào giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa PVOIL theo quy định. Đối với lô đất xây dựng CHXD tại Xã Đức Mạnh, Huyện Đắk Mil, Tỉnh Đắk Nông, PVOIL đang hoàn thiện thủ tục về nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và sẽ hoàn tất các thủ tục liên quan đến lô đất này trước khi quyết toán cổ phần hóa, chính thức chuyển PVOIL sang công ty cổ phần.
- Đối với 19 lô đất thuê trả tiền hàng năm: Một số Ủy ban nhân dân cấp Tỉnh chưa có ý kiến. PVOIL vẫn đang tiếp tục làm việc với UBND các Tỉnh, Thành phố để có được ý kiến về phương án sử dụng đất đối với những khu đất thuê trả tiền hàng năm này và sẽ hoàn thiện thủ tục thuê đất theo quy định trước thời điểm PVOIL chuyển sang công ty cổ phần.

Phương án sử dụng đất của Công ty mẹ PVOIL theo phụ lục 01 đính kèm

2.2. Đất tại Lào

TT	Thống kê hiện trạng đất	Số lượng (lô đất)	Diện tích (m²)	Ghi chú
1	Đất xây dựng kho	03	38.928	Đất giao
2	Đất xây dựng CHXD	01	2.655	Đất giao
3	Đất làm văn phòng	01	4.399	Đất giao
4	Đất trống	01	3.363	Đất giao
	Tổng diện tích đang quản lý, sử dụng	06	49.345	

PHẦN 2: TÌNH HÌNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH 03 NĂM TRƯỚC CỔ PHẦN HÓA (2014-2016)

I. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

1. Hoạt động kinh doanh

1.1. Dịch vụ ủy thác xuất/bán dầu thô và kinh doanh dầu quốc tế

PVOIL là doanh nghiệp duy nhất tại Việt Nam tổ chức tiếp thị và thực hiện dịch vụ ủy thác xuất/bán dầu thô Việt Nam và dầu thô của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam khai thác tại các mỏ nước ngoài với sản lượng bình quân 15 triệu tấn/năm. Đây là hoạt động tạo ra doanh thu và lợi nhuận ổn định của PVOIL.

Với bề dày hơn 31 năm kinh nghiệm thực hiện dịch vụ, PVOIL đã trực tiếp xuất bán an toàn và hiệu quả gần 360 triệu tấn dầu thô các loại khai thác từ 16 mỏ dầu trong và ngoài nước. Thông qua việc chuyển đổi thành công công thức giá dầu thô, PVOIL đã góp phần nâng cao giá trị thương phẩm của dầu thô Việt Nam trên thị trường quốc tế, khẳng định uy tín trong ngành và với các đối tác.

Một số đối tác dầu thô chính của PVOIL trên thị trường quốc tế



PVOIL cũng đảm nhiệm việc cung cấp toàn bộ dầu thô nguyên liệu cho Công ty Lọc hóa dầu Bình Sơn (Nhà máy lọc dầu Dung Quất) với sản lượng bình quân 7 triệu tấn/năm từ nguồn trong nước và nhập khẩu. Bằng kinh nghiệm trong lĩnh vực ủy thác dầu thô, PVOIL đã hỗ trợ Công ty Lọc hóa dầu Bình Sơn tìm kiếm nguồn nguyên liệu nhập khẩu thay thế dầu thô trong nước. PVOIL đã thực hiện nhập khẩu một khối lượng lớn dầu thô để phối trộn cho NMLD trong nhiều năm qua, đặc biệt trước thời điểm giá dầu suy giảm.

Sản lượng ủy thác xuất/bán dầu thô và cung cấp dầu thô cho NMLD – giai đoạn 2014-2016

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2014	2015	2016
1	Xuất/bán dầu thô	Nghìn tấn	15.212	16.341	14.972
2	Cung cấp dầu thô cho NMLD Dung Quất	Nghìn tấn	6.322	7.300	7.530
2.1	Từ nguồn trong nước	Nghìn tấn	5.629	7.118	7.095
2.2	Nhập khẩu	Nghìn tấn	693	182	435

Nguồn: PVOIL

1.2. Sản xuất, chế biến xăng dầu và NLSH

Sản xuất xăng dầu: Sản xuất, pha chế xăng dầu là thế mạnh của PVOIL trong nhiều năm qua, nhờ ưu thế về nguồn condensate khai thác trong nước của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Hoạt động sản xuất, pha chế do PVOIL Phú Mỹ, đơn vị thành viên của PVOIL, có nhà máy đặt tại Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đảm trách. Nhà máy của PVOIL Phú Mỹ có công suất chế biến 130.000 tấn condensate/năm. Thông qua hoạt động pha chế xăng dầu, PVOIL đã góp phần gia tăng giá trị thương phẩm Condensate trong nước và chủ động hơn về nguồn cung ứng.

Từ sản phẩm chủ lực là xăng khoáng A83, kể từ đầu năm 2014, PVOIL đã chuyển toàn bộ sang sản xuất xăng A92 với sản lượng xăng thành phẩm từ 400-600 nghìn m³/năm, chiếm khoảng 15-20% tổng lượng xăng tiêu thụ qua hệ thống PVOIL.

Sản xuất NLSH: Thực hiện chủ trương của Chính phủ theo Quyết định số 177/2007/QĐ-TTg về việc phát triển nguồn NLSH, với mục tiêu từng bước thay thế nhiên liệu hoá thạch đang ngày càng cạn kiệt, đảm bảo an ninh năng lượng, góp phần giải quyết các vấn đề về biến đổi khí hậu, cải thiện môi trường và nâng cao thu nhập của người nông dân, PVOIL đã góp vốn đầu tư xây dựng 3 nhà máy sản xuất NLSH (ethanol – E100) tại Bình Phước, Quảng Ngãi và Phú Thọ, với công suất mỗi nhà máy 100.000 m³ E100/năm. Trong đó, 02 nhà máy đã hoàn thành và 01 nhà máy đang trong giai đoạn xây dựng.

PVOIL hiện có 10 trạm pha chế xăng E5 (05 trạm in-tank và 05 trạm in-line) với tổng công suất pha chế đạt khoảng gần 900.000m³ E5/năm. PVOIL hiện cung ứng ra thị trường khoảng 160 ngàn m³ xăng E5 thương phẩm/năm.

Với hệ thống hiện có đang được nâng cấp và mở rộng mạnh mẽ, PVOIL sẵn sàng cho việc thay thế hoàn toàn nhiên liệu truyền thống (xăng A92) sang NLSH (xăng E5) từ 01/01/2018 và lộ trình sử dụng NLSH của Chính phủ trong dài hạn.

Bên cạnh đó, với việc góp vốn đầu tư xây dựng các nhà máy sản xuất NLSH nói trên, PVOIL sẽ có được lợi thế to lớn trong việc chủ động nguồn cung E100 cho việc pha chế xăng E5.

Sản xuất dầu mỡ nhờn: PVOIL LUBE, công ty con của PVOIL, với giá trị thương hiệu trên 25 năm kế thừa từ VIDAMO - một trong những doanh nghiệp đầu tiên ở Việt Nam sản xuất và kinh doanh dầu mỡ nhờn. Sản phẩm của PVOIL LUBE với hơn 140 loại dầu mỡ bôi trơn các loại như dầu động cơ, dầu công nghiệp, các loại dầu công nghiệp chuyên dụng như: dầu thủy lực, dầu truyền động, dầu bánh răng chịu áp... được sản xuất từ nguồn nguyên liệu chất lượng cao của các nhà cung cấp uy tín trên thế giới và trong khu vực. Sản phẩm đáp ứng theo tiêu chuẩn quốc tế như API, JASO MA và tuân thủ theo quy trình ISO do tổ chức SGS của Thụy Sĩ. Hiện nay, sản phẩm dầu mỡ nhờn của PVOIL LUBE chủ yếu cung cấp cho các khách hàng công nghiệp và các nhà thầu dầu khí và đang dần mở rộng đến đối tượng khách hàng lẻ thông qua mạng lưới phân phối xăng dầu của PVOIL. Sản phẩm dầu mỡ nhờn của PVOIL được sản xuất tại nhà máy Bình Chiểu (Tp. Hồ Chí Minh) với công suất 20.000 tấn/năm.

Sản lượng sản xuất xăng dầu, dầu mỡ nhờn trong 3 năm trước CPH

ĐVT: 1.000 m³/tấn

TT	Mặt hàng	2014	2015	2016
1	Xăng, dầu	296	597	508
2	Dầu mỡ nhờn	3,5	3,5	4
3	Xăng sinh học E5	52	152	169
TỔNG CỘNG		351,5	752,5	681

Nguồn: PVOIL

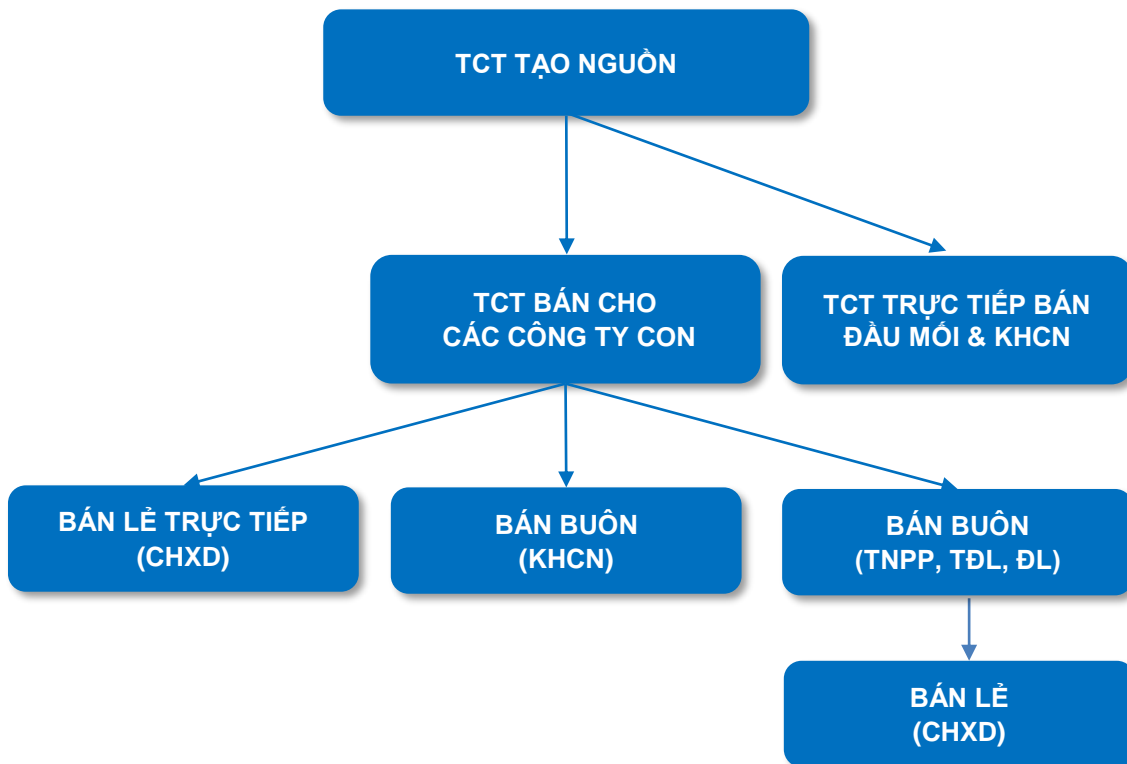
1.3. Kinh doanh sản phẩm dầu

Trong 4 năm trở lại đây, với sự nới lỏng các quy định của Nhà nước, thị trường xăng dầu đã có sự gia tăng vượt bậc về số lượng các doanh nghiệp đầu mối tư nhân, tuy nhiên 90% thị phần vẫn thuộc về 5 doanh nghiệp đầu mối lớn gồm Petrolimex, PV OIL, Thanh Lễ, Saigon Petro và Xăng dầu quân đội. PV OIL khẳng định vị trí thứ 2 với sản lượng trên 3,2 triệu m³/tấn/năm, chiếm thị phần khoảng 20-22%. Trong suốt 9 năm hoạt động, thông qua hoạt động mua bán sáp nhập doanh nghiệp (M&A), PVOIL đã phát triển mạnh mẽ hệ thống phân phối KDXD rộng khắp cả nước và tại nước bạn Lào.

Mô hình tổ chức kinh doanh phân phối xăng dầu của PVOIL được khái quát như sau:

- Tổng Công ty (hay “công ty mẹ”) là đầu mối duy nhất tạo nguồn thông qua nhập khẩu, mua từ NMLD và tự sản xuất.
- Các công ty con thực hiện kinh doanh bán buôn, bán lẻ tại các vùng thị trường được phân công theo chính sách chung của Tổng công ty, đồng thời thực hiện một phần chức năng đầu mối của Công ty mẹ.
- Công ty mẹ bán trực tiếp cho các đầu mối và KHCN lớn.

Sơ đồ chuỗi kinh doanh phân phối sản phẩm xăng dầu của PVOIL






KHCN: khách hàng công nghiệp; TNPP: Thương nhân phân phối;

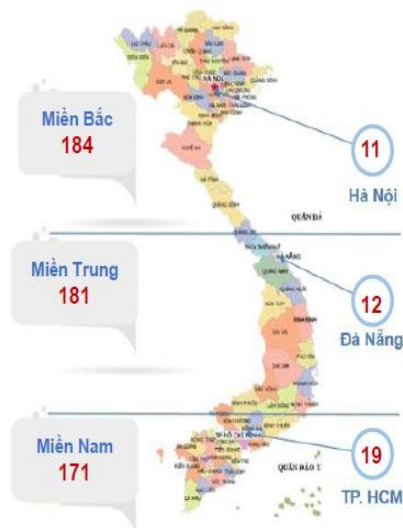
TĐL: tổng đại lý; ĐL: đại lý; CHXD: cửa hàng xăng dầu (cây xăng)

Nguồn hàng cung ứng cho kinh doanh sản phẩm dầu của PVOIL từ ba nguồn chính là *i)* mua từ nhà máy lọc dầu Dung Quất, *ii)* nhập khẩu theo hạn mức quota được Bộ Công Thương giao hằng năm từ các nước khu vực Đông Nam Á, Hàn Quốc, Trung Quốc... và *iii)* tự sản xuất

pha chế. Tỷ trọng bình quân các nguồn cung ứng như sau: mua từ nhà máy lọc dầu Dung Quất chiếm khoảng 55-60%, nhập khẩu 25-30% và từ sản xuất pha chế khoảng 15-20%.

Hệ thống phân phối của PVOIL rộng khắp tại 63 tỉnh thành trên cả nước, trong đó:

-  Bán buôn trực tiếp cho các nhà thầu dầu khí, các nhà máy điện thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và các đơn vị sản xuất trong các ngành: điện, than, xi măng, sản xuất thép, khai thác khoáng sản, giao thông vận tải... với sản lượng tiêu thụ chiếm khoảng 18-20% tổng sản lượng của PVOIL.
-  Bán buôn cho các thương nhân phân phối, đại lý, tổng đại lý có đủ điều kiện KDXD theo quy định của pháp luật. Các khách hàng đang sở hữu mạng lưới khoảng 3.000 CHXD trên phạm vi toàn quốc tính đến thời điểm cuối năm 2016. Sản lượng bán qua kênh tiêu thụ này chiếm khoảng 60% tổng sản lượng của PVOIL.
-  Bán lẻ trực tiếp tại hệ thống gần 540 CHXD thuộc sở hữu hoặc quyền quản lý/vận hành trực tiếp của PVOIL (chi tiết trình bày trong Phụ lục số 3). Sản lượng bán lẻ chiếm khoảng 22% tổng sản lượng tiêu thụ của PVOIL.



Hệ thống CHXD trực thuộc của PVOIL

HA GIANG 8	QUẢNG NINH 6	QUẢNG TRỊ 4	LÂM ĐỒNG 6	CẦN THƠ 7
BẮC KẠN 2	HẢI DƯƠNG 10	T.T. HUẾ 6	NINH THUẬN 2	TRÀ VINH 18
TUYÊN QUANG 1	HẢI PHÒNG 15	ĐÀ NẴNG 12	BÌNH THUẬN 56	SOC TRĂNG 4
LÀO CAI 7	HƯNG YÊN 2	QUẢNG NAM 13	ĐỒNG NAI 7	BẠC LIÊU 10
THÁI NGUYÊN 6	THÁI BÌNH 15	QUẢNG NGÃI 10	BR VŨNG TÀU 19	ĐỒNG THÁP 8
BẮC GIANG 3	HÀ NAM 6	BÌNH ĐỊNH 1	SÀI GÒN 19	AN GIANG 15
BẮC NINH 1	NAM ĐỊNH 18	PHÚ YÊN 20	BÌNH DƯƠNG 6	HẬU GIANG 5
YÊN BÁI 1	NINH BÌNH 7	KHÁNH HÒA 3	BÌNH PHƯỚC 3	KIÊN GIANG 1
PHÚ THỌ 5	THANH HÓA 34	KON TUM 4	TÂY NINH 16	BẾN TRE 1
VĨNH PHÚC 3	NGHỆ AN 4	GIA LAI 24	LONG AN 5	CÀ MAU 11
HÀ NỘI 11	HÀ TĨNH 15	ĐẮK LẮK 8	TIỀN GIANG 2	
HÒA BÌNH 2	QUẢNG BÌNH 1	ĐẮK NÔNG 3	VĨNH LONG 14	



Về cơ sở vật chất phục vụ kinh doanh



PVOIL hiện sở hữu hệ thống gần 30 kho xăng dầu lớn nhỏ trên cả nước với tổng sức chứa trên 960 ngàn m³, đảm bảo tồn chứa và cung ứng kịp thời sản phẩm đến khách hàng trên mọi miền đất nước, đáp ứng nhu cầu kinh doanh trong 5-7 năm tới. Trong đó có 2 kho cấp hàng sát hàng rào các NMLD Dung Quất và NMLD Nghi Sơn, tạo lợi thế tuyệt đối cho PVOIL phát triển thị trường các khu vực lân cận. Chi tiết trình bày trong Phụ lục số 2.

Hệ thống kho của PVOIL được trang bị đồng bộ và hiện đại về công nghệ với việc lắp đặt hệ thống mái phao, hệ thống đo bồn tự động (ATG), đồng hồ lượng kế, nhiệt kế điện tử, camera giám sát. Các kho lớn trong hệ thống đã trang bị hệ thống điều khiển tự động SCADA, hệ thống xuất hàng tự động TAS. PVOIL đã ứng dụng phần mềm Oracle trong việc quản lý bán hàng và quản lý hàng hóa tại tất cả các kho trong toàn hệ thống. Nhờ ứng dụng kỹ thuật công nghệ, PVOIL đã giảm thiểu được hao hụt hàng hóa, nâng cao chất lượng dịch vụ giao nhận, góp phần

đáng kể làm tăng hiệu quả kinh doanh của Tổng Công ty.



Loại kho	Số lượng	Sức chứa (m ³)
Kho đầu mối	10	852.400
Kho trung chuyển	18	74.960
Kho sản xuất	01	34.640
Tổng cộng	29	962.000



PVOIL sở hữu đội xe bồn với số lượng 120 xe tổng dung tích trên 2.000 m³ và 7 xà lan tổng dung tích 4.000 m³, đáp ứng được khoảng 50% nhu cầu vận chuyển nội bộ hệ thống và của khách hàng đại lý. PVOIL đang tiếp tục đầu tư phát triển đội ngũ vận tải để chủ động trong việc vận chuyển xăng dầu đi tiêu thụ, đồng thời kiểm soát tốt nhất chất lượng sản phẩm phân phối ra thị trường.

Các sản phẩm kinh doanh của PVOIL gồm:

- **Xăng các loại:** gồm xăng không chì RON 92, xăng không chì RON 95 và xăng sinh học E5. Bắt đầu từ ngày 01/01/2018, PVOIL dừng kinh doanh xăng A92 mà thay thế toàn bộ bằng E5 theo qui định của Chính phủ. Đối tượng tiêu dùng nhóm sản phẩm này chủ yếu là các phương tiện xe máy, ô tô chở khách dưới 15 chỗ ngồi, và một số xe tải nhẹ tải trọng tải dưới 1,5 tấn. Sản lượng chiếm khoảng 40% tổng sản lượng kinh doanh.

- **Dầu Diesel (DO):** dùng cho động cơ đường thủy, động cơ đường bộ, đường sắt. Ngoài ra nhiên liệu Diesel còn được sử dụng trong sản xuất điện, phục vụ nhu cầu tưới tiêu trong nông nghiệp. Sản lượng chiếm khoảng 55% tổng sản lượng kinh doanh.
- **Dầu hỏa (KO):** chủ yếu được sử dụng để thắp sáng ở những vùng chưa có điện, dùng trong một số ngành sản xuất (ngành công nghiệp nhẹ và ngành in); dùng để đun nấu trong một bộ phận nhỏ dân cư. Nhu cầu tiêu thụ đối với mặt hàng này không đáng kể.
- **Nhiên liệu đốt lò (FO):** sử dụng cho sản xuất điện, thép, xi măng, vật liệu xây dựng, công nghiệp thực phẩm, công nghiệp nhẹ, các phương tiện vận tải hàng hải... Sản lượng chiếm khoảng 5% tổng sản lượng kinh doanh.

Tại thị trường Lào, năm 2010, PVOIL đã mua lại toàn bộ mạng lưới kinh doanh xăng dầu của Shell Lào và thành lập công ty 100% vốn là PVOIL Lào để tiếp tục quản lý và vận hành mạng lưới phân phối sản phẩm dầu rộng lớn và chuyên nghiệp tiếp quản từ Shell Lào,.

PVOIL Lào hiện có hệ thống 120 CHXD, tọa lạc tại những vị trí thuận lợi tại 16/18 tỉnh, thành phố, là công ty KDXD đứng thứ hai tại Lào với khoảng 20% thị phần bán lẻ và khoảng 15% thị phần tổng cộng (bao gồm cả bán buôn, bán công nghiệp và bán lẻ).

PVOIL Lào sở hữu 04 kho xăng dầu với tổng sức chứa 4.000 m³ tại 4 tỉnh/thành, đáp ứng nhu cầu tồn chứa và cung ứng hàng hóa ra thị trường Lào.

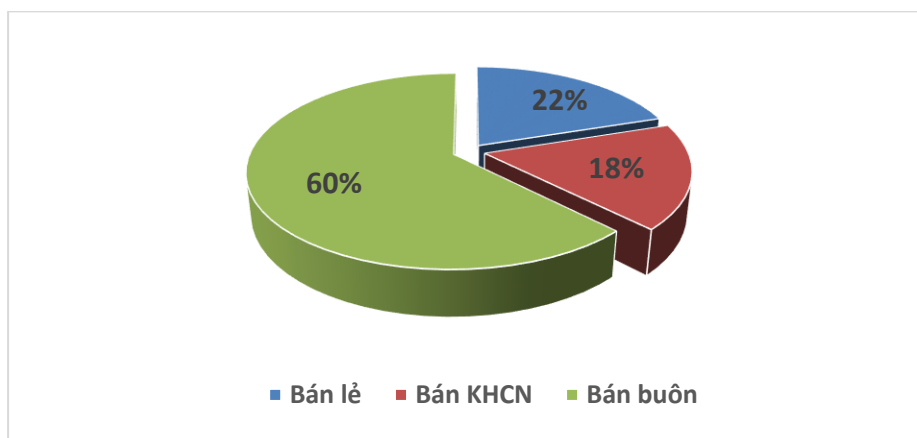
Sản phẩm mà PVOIL Lào phân phối tại thị trường Lào là xăng Mogas 92, Mogas 95, dầu DO, FO và dầu mỡ nhờn.

Sản lượng tiêu thụ các sản phẩm của PVOIL giai đoạn 2014-2016

TT	Kênh tiêu thụ	ĐVT	3 năm trước CPH		
			2014	2015	2016
I	Thị trường nội địa	1000 m ³ /tấn	2.989	3.209	3.109
II	Thị trường Lào	1000 m ³ /tấn	98	96	105
	Cộng		3.087	3.305	3.214

Nguồn: PVOIL

Cơ cấu và tỷ trọng bán hàng của PVOIL



Nguồn: PVOIL

1.4. Dịch vụ khác

Bên cạnh các lĩnh vực kinh doanh cốt lõi, PVOIL có một số hoạt động phụ trợ như: vận tải xăng dầu, cho thuê kho, dịch vụ cung ứng tàu biển...

PVOIL hiện có trên 120 xe bồn, tổng dung tích 2,000 m³ và 07 xà lan tổng dung tích 4,000 m³ đáp ứng được khoảng 50% nhu cầu vận chuyển nội bộ hệ thống và của khách hàng đại lý.

Với năng lực kho hiện hữu, bên cạnh việc đảm bảo nhu cầu kinh doanh trong hệ thống và tồn chứa hàng dự trữ quốc gia theo chỉ tiêu phân bổ, PVOIL đang đẩy mạnh hoạt động cho thuê kho chứa nhằm tối ưu hiệu quả sử dụng tài sản.

Ngoài ra, PVOIL còn cung ứng dịch vụ trực thăng, vận tải,... các chủ dầu. Các hoạt động này mang đến lợi nhuận ổn định cho PVOIL, đồng thời góp phần gia tăng giá trị dịch vụ chính của PVOIL trong lĩnh vực ủy thác xuất bán dầu thô.

2. Hoạt động đầu tư

2.1. Tình hình thực hiện đầu tư XDCB và mua sắm trang thiết bị

Đầu tư XDCB và mua sắm thiết bị thực hiện trong toàn hệ thống 3 năm qua là 928 tỷ đồng, chủ yếu là đầu tư phát triển CHXD (chiếm 51%), quyết toán một số dự án mở rộng kho của giai đoạn trước (chiếm 26%). Trong đó, đầu tư từ nguồn vốn chủ sở hữu 729 tỷ đồng (79%).

Bảng: Giá trị đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm thiết bị giai đoạn 2014-2016

ĐVT: tỷ đồng

TT	Hạng mục đầu tư	2014	2015	2016	Bình quân
1	Xây dựng mới và cải tạo kho, cảng	76	40	128	81
2	Xây dựng mới và cải tạo CHXD	165	142	170	159
3	Mua sắm khác	123	39	45	69
	TỔNG CỘNG	363	222	343	309
	<i>Trong đó: - Công ty mẹ</i>	<i>160</i>	<i>33</i>	<i>100</i>	<i>98</i>
	<i>- Công ty con</i>	<i>204</i>	<i>188</i>	<i>243</i>	<i>212</i>
	Đầu tư từ nguồn vốn CSH	262	198	269	243

Nguồn: PVOIL

2.2. Tình hình thực hiện đầu tư tài chính dài hạn của Công ty Mẹ

Trong giai đoạn 3 năm trước CPH, đầu tư tài chính dài hạn của PVOIL bình quân khoảng 6.500 tỷ đồng, chiếm 60% vốn điều lệ. Giá trị các khoản đầu tư tài chính dài hạn được đánh giá lại tại thời điểm 31/12/2015 giảm gần 2.000 tỷ đồng do loại trừ các khoản trích lập dự phòng cho số lỗ lũy kế tại Tổng công ty Petec và 02 (trong số 03) nhà máy Nhiên liệu sinh học đã hoàn thành xây lắp nhưng chưa thể vận hành theo thiết kế.

Với việc triển khai thoái toàn bộ vốn tại Petec (sẽ trình bày ở phần sau) và đưa các nhà máy NLSH vào vận hành phục vụ cho lộ trình thay thế hoàn toàn xăng A92 truyền thống bằng xăng sinh học E5 kể từ ngày 01/01/2018, PVOIL kỳ vọng sẽ chấm dứt trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư tại các đơn vị này (khoảng 100 tỷ đồng/năm) và gia tăng hiệu quả đầu tư tài chính.

Chi tiết đầu tư tài chính trong giai đoạn 2014-2016 của PVOIL như sau:

TT	Khoản mục đầu tư (ĐVT: Tỷ đồng)	Tại thời điểm 31/12			
		2014	2015	2016	
				Giá trị	Tỷ trọng
1	Đầu tư vào công ty con	5.060	5.084	5.108	78,0%
	<i>Trong đó Petec</i>	<i>2.464</i>	<i>2.464</i>	<i>2.464</i>	<i>37,6%</i>
2	Đầu tư vào công ty LD, liên kết	1.269	1.263	1.271	19,4%
	<i>03 nhà máy Nhiên liệu sinh học</i>	<i>858</i>	<i>858</i>	<i>875</i>	<i>13,4%</i>
3	Đầu tư tài chính khác	165	162	167	2,6%
	Cộng	6.494	6.509	6.546	100%

Nguồn: PVOIL

II. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động SXKD 3 năm trước cổ phần hóa

1. Tình hình tài sản

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Công ty mẹ			Hợp nhất		
	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	16.097.919	12.306.977	13.855.673	17.022.440	14.108.377	15.132.536
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4.673.662	5.812.308	5.801.340	5.249.114	6.304.308	6.193.305
1. Tiền	3.972.796	2.460.194	1.911.478	4.436.387	2.886.312	2.204.125
2. Các khoản tương đương tiền	700.867	3.352.114	3.889.863	812.727	3.417.996	3.989.180
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	900.000	-	400.000	974.319	18.714	417.360
1. Chứng khoán kinh doanh	-	-	-	25.581	25.414	13.406
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	-	-	-	(6.261)	(8.518)	(8.104)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	900.000	-	400.000	955.000	1.819	412.059
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	8.733.329	5.127.644	6.229.524	7.940.727	5.382.214	5.924.970
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4.406.001	2.018.181	2.133.470	3.963.116	2.742.250	2.689.680
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	43.164	25.691	45.108	197.629	79.227	83.651
3. Phải thu ngắn hạn khác	4.355.019	3.158.760	4.122.461	4.650.810	3.407.434	3.979.430
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(70.855)	(74.988)	(71.515)	(872.212)	(848.448)	(828.971)

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

Chỉ tiêu	Công ty mẹ			Hợp nhất		
	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	-	-	-	1.385	1.751	1.180
IV. Hàng tồn kho	1.723.717	1.272.535	1.314.461	2.671.403	2.213.203	2.385.028
1. Hàng tồn kho	2.302.405	1.522.690	1.314.461	3.226.940	2.382.515	2.385.729
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(578.688)	(250.155)	-	(555.537)	(169.312)	(701)
V. Tài sản ngắn hạn khác	67.211	94.491	110.348	186.877	189.938	211.872
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	4.328	6.983	13.246	21.154	26.946	31.039
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	6.141	46.438	66.596	95.660	104.993	108.925
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	56.742	41.070	30.505	70.062	57.998	71.908
4. Tài sản ngắn hạn khác	-	-	-	-	-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	6.289.163	5.887.633	5.701.635	6.639.962	6.336.781	6.171.581
I. Các khoản phải thu dài hạn	197	15	15	3.823	12.652	10.008
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	-	-	-	-	31.686	29.983
2. Trả trước cho người bán dài hạn	-	-	-	-	578	-
2. Phải thu dài hạn khác	197	15	15	3.823	5.620	6.567
3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	-	-	-	-	(25.232)	(26.541)
II. Tài sản cố định	1.315.616	1.240.031	1.143.363	4.120.746	4.021.700	3.956.059

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

Chỉ tiêu	Công ty mẹ			Hợp nhất		
	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016
1. Tài sản cố định hữu hình	1.099.179	1.023.010	929.506	2.697.233	2.570.298	2.462.984
- Nguyên giá	2.030.391	2.069.996	2.111.086	4.948.599	5.113.208	5.311.338
- Giá trị hao mòn lũy kế	(931.212)	(1.046.985)	(1.181.580)	(2.251.366)	(2.542.910)	(2.848.354)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	216.437	217.021	213.857	1.275	1.857	1.464
- Nguyên giá	258.880	270.648	277.701	1.396	2.319	2.319
- Giá trị hao mòn lũy kế	(42.443)	(53.626)	(63.844)	(121)	(462)	(854)
3. Tài sản cố định vô hình	-	-	-	1.422.238	1.449.545	1.491.611
- Nguyên giá	-	-	-	1.521.940	1.575.879	1.647.695
- Giá trị hao mòn lũy kế	-	-	-	(99.702)	(126.334)	(156.084)
III. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	90.075	30.713	49.959	363.195	218.829	200.901
IV. Bất động sản đầu tư	-	-	-	13.927	113.720	112.727
- Nguyên giá	-	-	-	21.938	123.857	125.916
- Giá trị hao mòn lũy kế	-	-	-	(8.011)	(10.137)	(13.189)
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	4.578.483	4.362.824	4.267.350	1.244.240	1.136.890	1.058.218
1. Đầu tư vào công ty con	5.060.023	5.084.375	5.108.016	-	-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	1.268.749	1.263.171	1.270.851	1.069.199	962.888	951.256

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

Chỉ tiêu	Công ty mẹ			Hợp nhất		
	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016
3. Đầu tư dài hạn khác	165.190	161.590	167.277	211.274	198.199	202.402
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(1.915.479)	(2.146.312)	(2.278.794)	(36.232)	(24.197)	(95.441)
VI. Tài sản dài hạn khác	304.792	254.049	240.949	894.031	832.990	833.667
1. Chi phí trả trước dài hạn	304.792	254.049	240.949	741.834	704.651	730.425
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	-	-	-	-	-	-
3. Tài sản dài hạn khác	-	-	-	-	-	-
4. Lợi thế thương mại	-	-	-	152.196	128.339	103.242
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	22.387.081	18.194.609	19.557.308	23.662.403	20.445.158	21.304.117

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán Công ty mẹ và Hợp nhất năm 2014, 2015 và 2016

2. Tình hình nguồn vốn

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Công ty mẹ			Hợp nhất		
	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016
A. NỢ PHẢI TRẢ	13.658.461	8.938.263	9.794.517	14.329.880	10.533.592	10.892.771
I. Nợ ngắn hạn	13.276.756	8.686.404	9.623.517	13.924.927	10.116.183	10.604.853
1. Phải trả người bán ngắn hạn	4.555.892	2.126.882	2.961.422	4.646.901	2.722.322	2.985.348

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

Chỉ tiêu	Công ty mẹ			Hợp nhất		
	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016
2. Người mua trả tiền trước	84.399	70.352	79.282	141.242	62.955	66.962
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	135.721	79.453	63.145	448.840	606.009	565.385
4. Phải trả người lao động	57.832	31.217	40.451	160.234	138.102	151.699
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	72.115	51.688	40.378	72.783	81.494	47.019
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	-	685	-	20.533	416	2.076
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	5.515.569	3.670.729	4.116.985	5.551.484	3.722.019	4.177.353
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	2.260.368	2.330.240	2.228.177	2.407.776	2.437.904	2.477.437
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	-	-	35.350	-	838	46.937
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	25.225	18.970	26.308
11. Quỹ bình ổn giá	594.859	325.156	58.328	449.909	325.156	58.328
II. Nợ dài hạn	381.705	251.859	171.000	404.953	417.409	287.919
1. Phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-	1.307	951
2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	-	240	-	-	8.140	5.886
3. Phải trả dài hạn khác	150	60	60	6.923	884	6.559
4. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	345.639	226.274	151.206	377.353	355.119	201.684
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	35.917	25.285	19.734	20.678	51.958	72.838

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

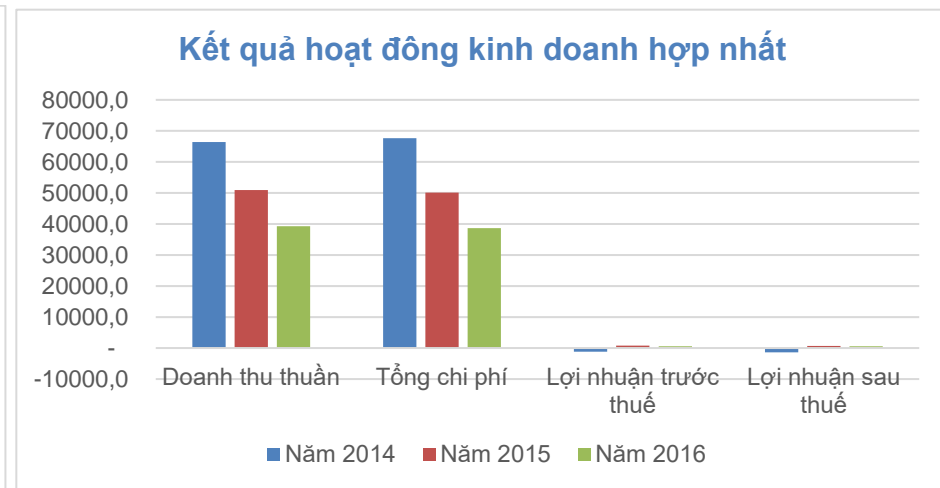
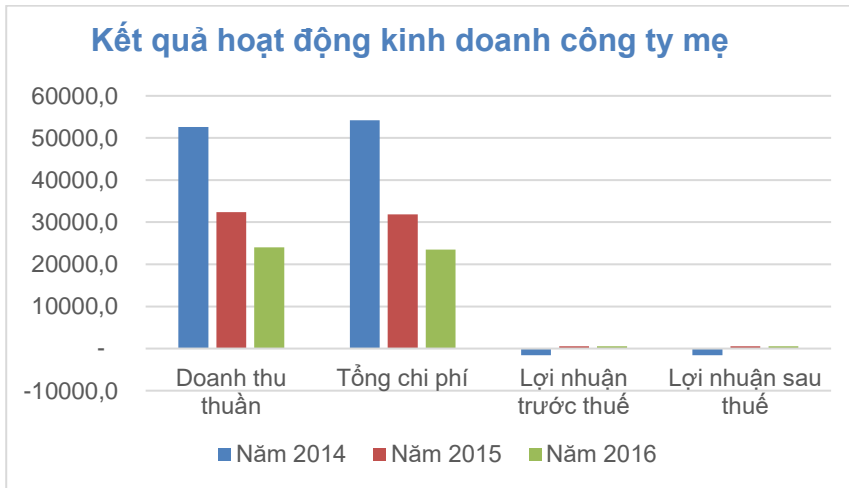
Chỉ tiêu	Công ty mẹ			Hợp nhất		
	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016
B. NGUỒN VỐN	8.728.620	9.256.346	9.762.791	9.332.522	9.911.566	10.411.345
I. Vốn chủ sở hữu	8.728.620	9.256.346	9.762.791	9.332.522	9.911.566	10.411.345
1. Vốn điều lệ	10.884.251	10.884.251	10.884.251	10.884.251	10.884.251	10.884.251
2. Vốn khác của chủ sở hữu	-	-	-	1.256	7.588	9.511
3. Cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	(5.573)	(5.585)
4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	(2.012)	17.268	14.230
5. Quỹ đầu tư phát triển	123.288	123.288	123.288	266.491	276.563	289.834
6. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	6.508	6.508	-	6.508	6.508	-
7. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	20.773	20.773	-	24.504	16.109	(4.623)
8. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(2.306.200)	(1.778.474)	(1.244.748)	(2.935.041)	(2.371.484)	(1.911.925)
9. Nguồn vốn đầu tư XDCB	-	-	-	5.971	5.959	5.959
10. Lợi ích của cổ đông thiểu số	-	-	-	1.080.595	1.074.377	1.129.694
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	22.387.081	18.194.609	19.557.308	23.662.403	20.445.158	21.304.117

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán Công ty mẹ và Hợp nhất năm 2014, 2015 và 2016

3. Kết quả hoạt động kinh doanh của PVOIL qua các năm

Chỉ tiêu (ĐVT: Triệu đồng)	Công ty mẹ			Hợp nhất		
	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016
Doanh thu thuần	52.613.885	32.354.971	23.997.426	66.306.178	50.910.494	39.263.344
Tổng chi phí	54.127.002	31.837.877	23.469.252	67.506.620	50.121.355	38.637.310
Lợi nhuận trước thuế	(1.513.117)	517.094	528.174	(1.200.442)	789.139	626.034
Lợi nhuận sau thuế	(1.509.438)	527.726	533.726	(1.372.003)	674.252	565.067

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán Công ty mẹ và Hợp nhất năm 2014, 2015 và 2016



Đơn vị: tỷ đồng

Doanh thu và chi phí giảm dần qua các năm chủ yếu do tác động của giá dầu thế giới, giá dầu thô tháng 6/2014 từng đạt mức 108 USD/thùng thì đến tháng 1/2016 đã giảm xuống dưới 30 USD/thùng. Giá dầu thô năm 2016 bình quân 42,4 US\$/thùng, giảm 57,2% so với bình quân năm 2014 (99 US\$/thùng). Sự sụt giảm nhanh, liên tục của giá dầu thô 6 tháng cuối năm 2014 làm PVOIL thua lỗ nặng do đảm bảo tồn kho theo quy định.

4. Một số chỉ số tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu (ĐVT: Triệu đồng)	ĐVT	Riêng			Hợp nhất		
		Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán							
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSLĐ/Nợ ngắn hạn)	Lần	1,21	1,42	1,44	1,22	1,39	1,43
+ Hệ số thanh toán nhanh (TSLĐ - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	Lần	1,08	1,27	1,30	1,03	1,18	1,20
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn							
+ Hệ số Nợ/Tổng Tài sản	%	58%	49%	50%	61%	52%	51%
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	156%	97%	100%	154%	106%	105%
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động							
+ Vòng quay các khoản phải thu khách hàng (Doanh thu/ phải thu khách hàng bình quân)	Vòng	9,22	10,07	11,56	11,57	15,11	14,29
+ Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/hàng tồn kho bình quân)	Vòng	15,94	20,67	17,59	13,65	19,65	15,90

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	Vòng	1,86	1,56	1,27	2,17	2,31	1,88
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời							
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	-3%	2%	2%	-2,07%	1,32%	1,44%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	%	-16%	6%	6%	-13,55%	7,01%	5,56%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân (ROA)	%	-5%	3%	3%	-4,49%	3,06%	2,71%
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	-3%	2%	2%	-1,99%	1,39%	1,43%

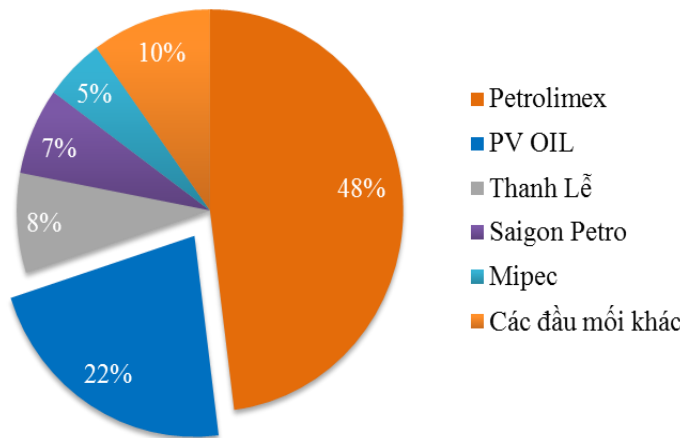
Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán Công ty mẹ và Hợp nhất năm 2014, 2015 và 2016;

III. Vị thế của Công ty

1. Vị thế của PVOIL trong Tập đoàn dầu khí

PVOIL là đơn vị thành viên của Tập đoàn, tham gia phát triển khâu hạ nguồn của ngành Dầu khí - là khâu cuối trong chuỗi 5 lĩnh vực hoạt động chính của Tập đoàn - lĩnh vực phân phối các sản phẩm dầu khí và dịch vụ dầu khí. PVOIL hiện là đơn vị duy nhất trong Tập đoàn đảm nhiệm việc xuất nhập khẩu, kinh doanh dầu thô và nhập khẩu, sản xuất, tồn trữ, phân phối các sản phẩm dầu.

2. Vị thế trong lĩnh vực kinh doanh sản phẩm dầu








Thị phần KDXD nội địa

lưới phân phối xăng dầu phủ rộng trên cả nước.

Tính đến cuối năm 2016, cả nước có 29 đầu mối nhập khẩu xăng dầu được cấp phép và khoảng 120 thương nhân phân phối, tăng gấp nhiều lần so với trước đó. Việc mở cửa thị trường cho các đầu mối tư nhân và thương nhân làm cho thị trường KDXD ngày càng bị chia sẻ và cạnh tranh mạnh mẽ.

Tuy nhiên, 90% thị phần vẫn thuộc về 5 đầu mối lớn, các công ty còn lại chiếm thị phần khá thấp và chủ yếu tập trung cung ứng xăng dầu cho các ngành đặc thù hoặc cụm thị trường riêng lẻ.

PVOIL khẳng định vị trí thứ 2, chiếm khoảng 22% thị phần, là 1 trong 2 đơn vị (cùng Petrolimex) có mạng

					
Thị phần	48%	22%	8%	7%	<5%
Sức chứa (m3)	2.200.000	~ 1.000.000	36.000	N/A	< 265.400
Thực thuộc CHXD	- 2.400	~540	80	10	93
Đại lý	-3.000	- 3.000	820	1.000	573
Địa bàn kinh doanh	Toàn quốc	Toàn quốc	Chủ yếu ở miền Đông Nam bộ	TP.HCM và miền Tây Nam Bộ	Chủ yếu ở miền Bắc

Bảng: Quy mô của 05 đơn vị dẫn đầu thị trường KDXD

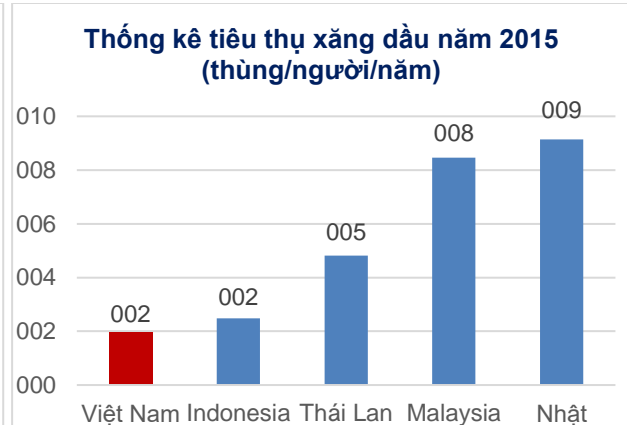
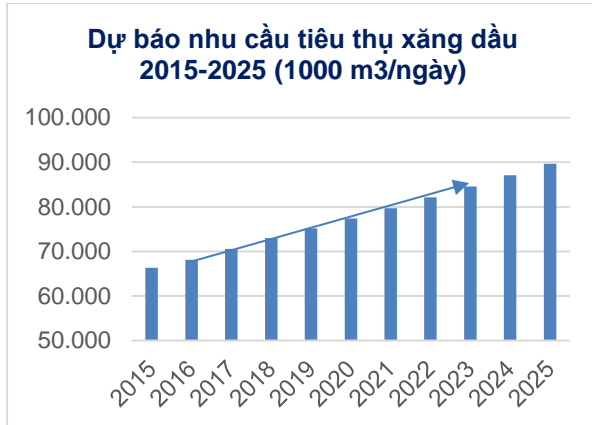
3. Phân tích SWOT

Điểm mạnh	Điểm yếu
<ul style="list-style-type: none"> ▪ Thương hiệu PVOIL đã được khẳng định trên thị trường trong và ngoài nước; ▪ Là đơn vị duy nhất tại Việt Nam đảm nhiệm dịch vụ ủy thác dầu thô và có nguồn thu nhập ổn định từ hoạt động này; ▪ Là đơn vị lớn thứ 2 trong lĩnh vực phân phối xăng dầu trong nước với 20-22% thị phần. So với thị phần tối đa (50%) của 1 doanh nghiệp theo Luật Cạnh tranh, PVOIL còn rất nhiều dư địa để phát triển thị trường; ▪ Tại Lào, PVOIL đứng thứ 2 với khoảng 20% thị phần bán lẻ xăng dầu và là một thương hiệu uy tín; ▪ Được hưởng lợi thế của PVN đang sở hữu cả hai NMLD ở Việt Nam nên chủ động được nguồn cung xăng dầu ngay cả khi thị trường khó khăn nhất; ▪ Có lợi thế từ nguồn Condensate dồi dào do Tập đoàn khai thác phục vụ sản xuất, pha chế xăng A92, xăng E5; ▪ Có hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật hiện đại và đồng bộ đạt tiêu chuẩn khu vực, bao gồm hệ thống kho cảng tổng sức chứa gần 1 triệu m³ trải rộng khắp cả nước; ▪ Có hệ thống phân phối rộng khắp cả nước thông qua 24 công ty con với 3.500 CHXD mang thương hiệu PVOIL; trong đó có gần 540 CHXD do PVOIL trực tiếp quản lý, vận hành; ▪ Có lượng khách hàng ổn định của ngành dầu khí; ▪ Có nguồn vốn dồi dào cho phát triển mở rộng hệ thống. 	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Tỷ trọng bán vào kênh tiêu thụ trực tiếp chưa cao, phụ thuộc vào kênh bán buôn đại lý (60%); ▪ Độ bao phủ của hệ thống CHXD tại một số địa phương, đặc biệt là các thành phố lớn như Hà Nội, Tp Hồ Chí Minh còn mỏng; ▪ Hầu hết ở các CHXD chưa được tận dụng để kinh doanh các dịch vụ giá trị gia tăng phi xăng dầu (non-oil) rất tiềm năng như: quảng cáo, cửa hàng tiện ích, rửa xe/thay dầu xe,... Tuy nhiên, đây chính lại là dư địa phát triển, gia tăng lợi nhuận của PVOIL trong tương lai nếu được khai thác triệt để; ▪ Hệ thống kho phân bổ không đồng đều và chưa tương xứng với nhu cầu kinh doanh, dư thừa sức chứa cục bộ; ▪ Bộ máy quản lý còn cồng kềnh; mô hình tổ chức còn bất cập
Cơ hội	Thách thức
<ul style="list-style-type: none"> ▪ Thị trường KDXD dự báo tiếp tục có mức tăng trưởng tốt, từ 5-6%/năm; ▪ Chính phủ siết chặt kiểm soát thị trường, chống gian lận thương mại, là cơ hội để các doanh nghiệp làm ăn nghiêm túc như PVOIL chiếm lĩnh thị trường, mở rộng mạng lưới phân phối thông qua M&A; ▪ Chính phủ cũng đã ban hành lộ trình thay thế hoàn toàn xăng khoáng A92 bằng xăng sinh học E5 kể từ đầu năm 2018, góp phần tháo gỡ khó khăn cho các nhà máy NLSH; ▪ NMLD Nghi Sơn (có vốn góp của PVN) đi vào hoạt động sẽ là cơ hội để PVOIL mở rộng thị trường phía Bắc nhờ khai thác lợi thế từ kho xăng dầu Nghi Sơn; ▪ Việc cổ phần hóa sẽ thúc đẩy quá trình đổi mới (tái cấu trúc toàn diện, tinh gọn bộ máy, nâng cao năng lực quản trị điều hành,...) của PVOIL. 	<ul style="list-style-type: none"> ▪ PVOIL sẽ đối mặt với môi trường cạnh tranh ngày càng gay gắt; ▪ Giá xăng dầu thế giới biến động khó lường ảnh hưởng bởi các yếu tố địa chính trị; ▪ Giá trị quyền sử dụng đất trong nước ngày càng tăng cao, cơ hội phát triển CHXD theo hình thức xây mới ngày càng thu hẹp đặc biệt tại các khu vực thành phố lớn.

4. Triển vọng phát triển ngành

Theo dự báo của các tổ chức quốc tế uy tín, nhu cầu tiêu thụ nhiên liệu trong nước tiếp tục giữ đà tăng trưởng mạnh mẽ trong nhiều năm tới, chủ yếu nhờ các yếu tố sau:

- GDP dự báo có mức tăng trưởng bình quân 6,2%
- Dự báo tiếp tục có sự gia tăng mạnh mẽ về phương tiện vận chuyển cá nhân trong bối cảnh Chính phủ chưa có giải pháp hữu hiệu để phát triển dịch vụ vận tải công cộng cùng tốc độ đô thị hóa tiếp tục tăng nhanh, kéo theo nhu cầu xăng dầu cho vận tải gia tăng ở mức bình quân 12,8% đến năm 2020.
- So với các nước trong khu vực, tiêu thụ xăng dầu ở Việt Nam còn ở mức khá thấp.



Nguồn: BMI

Nghị định 83/2014/NĐ-CP của Chính phủ đã góp phần tạo lập thị trường KDXD lành mạnh theo cơ chế thị trường, tạo sự chủ động cho doanh nghiệp. Bên cạnh đó, với quyết tâm và nỗ lực trong việc kiểm soát thị trường, chống gian lận thương mại, Chính phủ đang tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp làm ăn chân chính như PVOIL phát triển ổn định và bền vững.

PHẦN 3: KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP SAU CỔ PHẦN HÓA

I. Phương án tổ chức Công ty

1. Thông tin chung về doanh nghiệp sau cổ phần hóa

- Tên tiếng việt: TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN
- Tên tiếng anh: PETROVIETNAM OIL CORPORATION
- Tên viết tắt: PVOIL
- Địa chỉ: Tầng 14-18, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1-5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (84-28) 39106990 Fax: (84-28) 39106980
- Mã số thuế: 0305795054
- Website: www.pvoil.com.vn Email: contact@pvoil.com.vn
- Vốn điều lệ: 10.342.295.000.000 đồng (*Mười nghìn ba trăm bốn mươi hai tỷ hai trăm chín mươi lăm triệu đồng*)
- Logo:



2. Ngành nghề kinh doanh

PVOIL tiếp tục duy trì các ngành nghề kinh doanh truyền thống và bổ sung thêm một số ngành nghề kinh doanh dịch vụ gia tăng phi xăng dầu tại các CHXD, cụ thể như sau:

- Xuất nhập khẩu và kinh doanh dầu thô trong và ngoài nước;
- Xuất nhập khẩu và kinh doanh phân phối các sản phẩm dầu trong và ngoài nước;
- Sản xuất sản phẩm dầu và Ethanol (E100);
- Kinh doanh và xuất nhập khẩu sản phẩm Ethanol (E100);
- Kinh doanh khác: vận tải xăng dầu, cho thuê kho bãi, môi giới và cung ứng dịch vụ tàu biển, kinh doanh bán lẻ, nhà hàng và dịch vụ ăn uống, bảo dưỡng sửa chữa ô tô, xe máy.

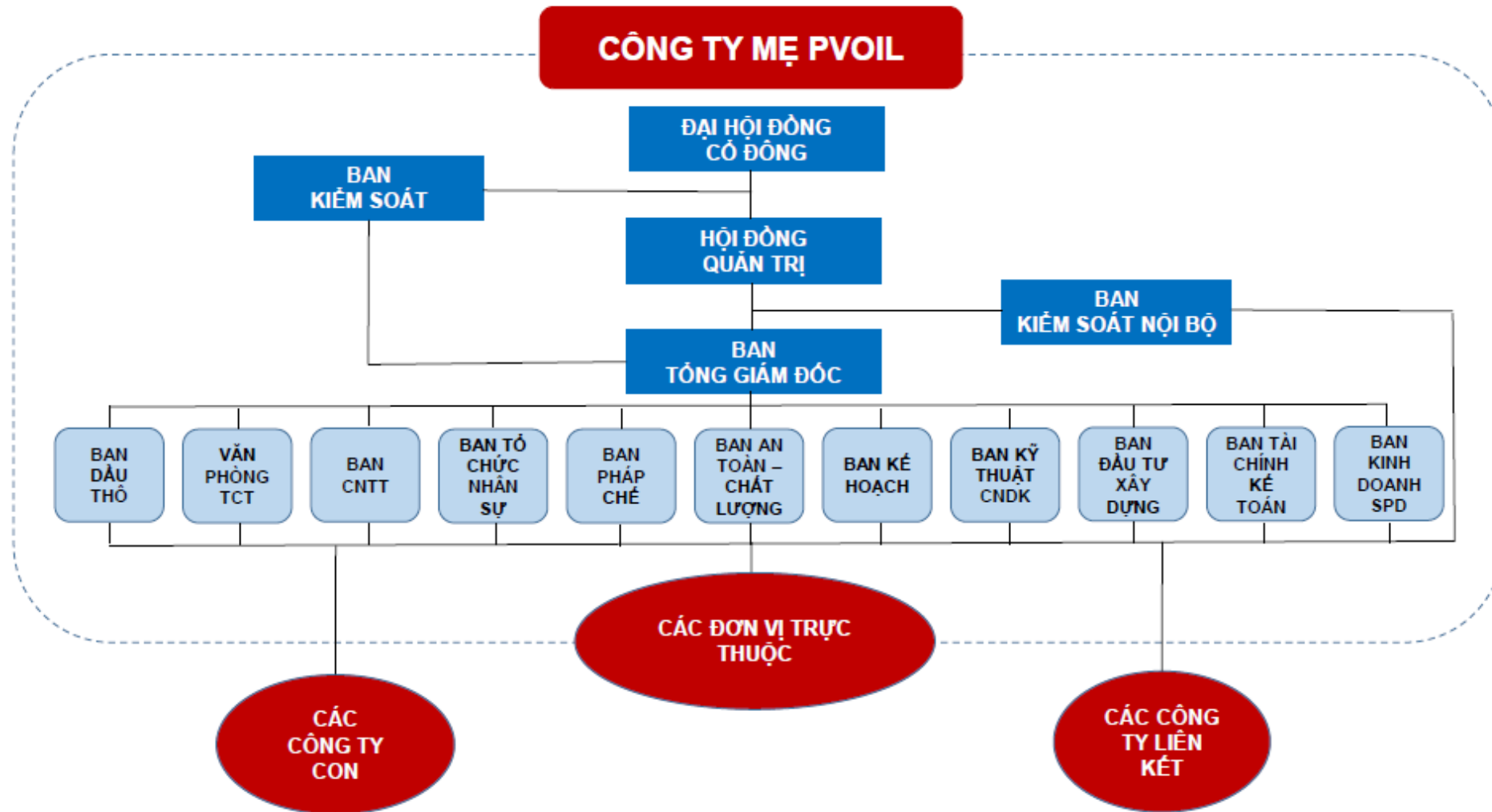
3. Mô hình tổ chức

Để nâng cao hiệu quả công tác quản lý kinh doanh, tăng năng suất lao động nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh khi chuyển sang mô hình Công ty cổ phần, bộ máy Tổng công ty dự kiến được cơ cấu như sau:

- Đại hội đồng cổ đông
- Hội đồng quản trị: 05 người (Chủ tịch, 04 ủy viên HĐQT)
- Ban kiểm soát: 03 người (Trưởng ban, 02 ủy viên)
- Ban Tổng Giám đốc (Tổng Giám đốc và các Phó Tổng giám đốc)

- Kế toán trưởng
- Các Ban tham mưu: 12 Ban, gồm có: Ban Kiểm soát Nội bộ, Văn phòng, Ban Tài chính – Kế toán, Ban Kế hoạch, Ban Công nghệ thông tin, Ban Tổ chức - Nhân sự, Ban Pháp chế, Ban An toàn – Chất lượng, Ban Kỹ thuật công nghệ Dầu khí, Ban Đầu tư – Xây dựng, Ban Dầu thô, Ban Kinh doanh sản phẩm dầu.
- 07 đơn vị trực thuộc gồm có: Xí nghiệp Tổng kho Xăng dầu Đình Vũ; Xí nghiệp Tổng kho Xăng dầu Miền Đông; Xí nghiệp Tổng kho Xăng dầu Nhà Bè; Chi nhánh PVOIL Quảng Ngãi; Chi nhánh PVOIL Bà Rịa – Vũng Tàu; Chi nhánh PVOIL Nghi Sơn, Văn phòng đại diện của PVOIL tại Myanmar

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ HƯỚNG ĐẾN SAU CỔ PHẦN HÓA



4. Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ

Vốn điều lệ của Tổng Công ty là: **10.342.295.000.000 đồng** (Mười ngàn ba trăm bốn mươi hai tỷ hai trăm chín mươi lăm triệu đồng). Trong đó, cơ cấu vốn điều lệ dự kiến như sau:

TT	Cổ đông	Số lượng cổ phần	Giá trị theo mệnh giá (Tr. đồng)	Tỷ lệ nắm giữ	Hình thức chào bán
1	Cổ phần Nhà nước	363.014.555	3.630.146	35,10%	
2	Cổ phần bán ưu đãi cho người lao động	1.864.300	18.643	0,18%	
2.1	Cổ phần bán ưu đãi cho người lao động theo thâm niên công tác	813.800	8.138	0,08%	
2.2	Cổ phần bán ưu đãi cho người lao động theo cam kết làm việc	1.050.500	10.505	0,10%	
3	Cổ phần bán đấu giá công khai IPO	206.845.900	2.068.459	20,00%	Đấu giá IPO
4	Cổ phần bán đối tác chiến lược	462.504.745	4.625.047	44,72%	Chào bán riêng lẻ
	TỔNG CỘNG	1.034.229.500	10.342.295	100%	

II. Kế hoạch kinh doanh giai đoạn 2018-2022

1. Lĩnh vực ủy thác xuất nhập khẩu dầu thô

Được sự ủng hộ của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, PVOIL tiếp tục phát huy thế mạnh tuyệt đối trong lĩnh vực dầu thô. PVOIL đặt mục tiêu xuất/bán an toàn và hiệu quả toàn bộ lượng dầu thô Việt Nam và dầu thô của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam khai thác ở nước ngoài; cung cấp đầy đủ và kịp thời dầu thô nguyên liệu cho NMLD Dung Quất từ nguồn trong và ngoài nước, đồng thời đẩy mạnh hoạt động kinh doanh dầu quốc tế, đảm bảo hiệu quả và khẳng định thương hiệu PVOIL trong lĩnh vực này.

Dự báo các chỉ tiêu cho giai đoạn 5 năm 2018-2022 như sau:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 5 năm 2018- 2022				
			2018	2019	2020	2021	2022
1	Xuất bán dầu thô	1000 tấn	14.990	16.421	15.506	15.000	15.000
2	Cung cấp dầu thô cho NMLD	1000 tấn	7.000	7.000	7.000	7.000	9.500
2.1	<i>Từ nguồn trong nước</i>	<i>1000 tấn</i>	6.300	6.300	5.600	5.600	7.600
2.2	<i>Nhập khẩu</i>	<i>1000 tấn</i>	700	700	1.400	1.400	1.900

2. Sản xuất, pha chế xăng dầu

Thực hiện lộ trình của Chính phủ, PVOIL sẽ thực hiện pha chế đủ lượng E5 đảm bảo thay thế toàn bộ lượng xăng A92 tiêu thụ trong toàn Hệ thống kể từ 01/01/2018.




Sản xuất dầu mỡ nhờn do PVOIL Lube đảm nhiệm với mức tăng trưởng bình quân 10%, sản lượng sản xuất bình quân 5 nghìn tấn/năm.

TT	Mặt hàng	ĐVT	Sản lượng sản xuất				
			2018	2019	2020	2021	2022
1	Xăng sinh học E5/E10	Nghìn m ³	900	1.150	1.400	1.600	1.850
2	Dầu mỡ nhờn	Nghìn tấn	4,2	4,6	5,1	5,6	5,6
	Tổng cộng	Nghìn m³/tấn	904	1.155	1.405	1.605	1.856

Nguồn: PVOIL

3. Kinh doanh phân phối sản phẩm dầu

PVOIL đặt mục tiêu phát triển “35-35-35” cho giai đoạn 5 năm sau cổ phần hóa (2018-2022):

-  Tăng tổng thị phần kinh doanh xăng dầu trong nước từ 22% lên 35%;
-  Tăng tỷ trọng kênh bán lẻ qua CHXD/tổng sản lượng từ 22% lên 35% và
-  Tăng tỷ trọng kênh bán cho khách hàng công nghiệp từ 18% lên 35%.

Có thể nói, đây là mục tiêu hết sức thách thức, tuy nhiên, sẽ là khả thi nếu PVOIL quyết tâm thực hiện chiến lược phát triển kinh doanh sắc bén, trong đó trụ cột là hoạt động M&A (mua bán sáp nhập doanh nghiệp) cùng với đối tác chiến lược phù hợp.

Trong giai đoạn 2010-2015, PVOIL đã thực hiện thành công hàng loạt hoạt động thương vụ M&A và mua cổ phần chi phối rất nhiều công ty xăng dầu trong và ngoài nước để mở rộng hệ thống phân phối và địa bàn hoạt động. Chính những hoạt động này đã giúp mở rộng nhanh chóng hệ thống bán lẻ CHXD, từ hơn 100 CHXD năm 2010 tăng lên hơn 500 CHXD vào năm 2016.

Trong bối cảnh hiện nay, thị trường Việt Nam mặc dù quy mô không lớn (16 triệu tấn xăng dầu/năm so với Thái Lan 70 triệu tấn/năm; Indonesia 95 triệu tấn/năm) nhưng đang có tới gần 30 đầu mối kinh doanh xăng dầu. Trong đó, 2 doanh nghiệp hàng đầu là Petrolimex và PVOIL đã chiếm tới 70% thị phần, 3 doanh nghiệp tiếp theo là Thành Lễ, SaigonPetro, Xăng dầu Quân đội MP chiếm 20% thị phần trong khi hơn 20 doanh nghiệp còn lại chỉ chiếm 10% thị phần. Như vậy, có thể nói số lượng doanh nghiệp đầu mối là rất lớn, tuy nhiên, quy mô của hầu hết đầu mối lại rất nhỏ. Trong đó, có rất nhiều doanh nghiệp hoạt động manh mún, thiếu chuyên nghiệp và minh bạch.

Trong số 14.200 CHXD đang hoạt động trên cả nước, số lượng CHXD thuộc sở hữu của các đầu mối KDXD chỉ khoảng trên 3.000, còn phần lớn là CHXD thuộc sở hữu của các Thương nhân phân phối, Tổng đại lý, Đại lý.

Để tạo ra môi trường kinh doanh lành mạnh và bình đẳng, Chính phủ đang rất quyết tâm và có những giải pháp và hành động mạnh mẽ nhằm đẩy lùi và tiến tới triệt tiêu hoàn toàn hoạt động buôn lậu xăng dầu cũng như những hành vi gian lận thương mại khác trong kinh doanh xăng dầu. Trong bối cảnh này, những công ty kinh doanh xăng dầu có quy mô nhỏ lẻ sẽ khó tồn tại, tạo ra các cơ hội mua bán sáp nhập doanh nghiệp.

Chính vì vậy, bên cạnh việc thoái vốn tại các công ty hoạt động kém hiệu quả và có lĩnh vực hoạt động không phù hợp, trong giai đoạn sau Cổ phần hóa, với tiềm lực tài chính mạnh mẽ từ các cổ đông chiến lược và kinh nghiệm từ thành công trong quá khứ, PVOIL sẽ tiến hành nghiên cứu thị trường, tìm kiếm và nghiên cứu các cơ hội mua lại một phần hoặc phần lớn hoặc toàn bộ một hoặc một số doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu thông qua hình thức M&A để mở rộng hệ thống phân phối và đặc biệt là gia tăng mạnh mẽ sản lượng bán lẻ nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh xăng dầu. Đây chính là giải pháp hết sức quan trọng giúp PVOIL nhanh chóng mở rộng thị phần và hệ thống CHXD.

Đối với thị trường Lào, PVOIL đặt mục tiêu giữ ổn định thị phần, tăng trưởng sản lượng bình quân 5% tương ứng với tốc độ tăng trưởng GDP.

Kế hoạch tiêu thụ xăng dầu giai đoạn 2018-2022

TT	Thị trường	ĐVT	KH sản lượng tiêu thụ				
			2018	2019	2020	2021	2022
I	Thị trường nội địa	1000 m ³ /tấn	3.300	4.200	5.100	5.950	6.800
II	Thị trường Lào	1000 m ³ /tấn	110	116	121	127	134
	Cộng		3.410	4.316	5.221	6.077	6.934

Nguồn: PVOIL

4. Kinh doanh dịch vụ khác

Trong giai đoạn 5 năm sau CPH, PVOIL có kế hoạch đầu tư để phát triển mạnh các dịch vụ gia tăng tại CHXD như cửa hàng tiện ích, xưởng bảo dưỡng xe, café... nhằm khai thác tối đa cơ sở vật chất và lợi thế kinh doanh tại CHXD. Đây là hoạt động dự báo mang lại nguồn lợi trong dài hạn, bổ trợ cho hoạt động KDXD cốt lõi của doanh nghiệp, được nhiều đối tác chiến lược tiềm năng đặc biệt quan tâm.

PVOIL dự kiến tiếp tục gia tăng năng lực vận tải tại các đơn vị thành viên, đáp ứng 100% nhu cầu vận chuyển xăng dầu trong hệ thống và của các đại lý, chủ động trong giao nhận và đảm bảo việc kiểm soát chất lượng hàng hóa.

Hoạt động cho thuê kho chứa dự kiến cũng được đẩy mạnh khi NMLD Nghi Sơn đi vào hoạt động và PVN làm nhiệm vụ bao tiêu sản phẩm tại đây. Bên cạnh đó, PVOIL tiếp tục giữ ổn định các dịch vụ hỗ trợ xuất/bán dầu thô.

5. Lợi nhuận và các chỉ tiêu tài chính hợp nhất

5.1. Các chỉ tiêu tài chính hợp nhất của PVOIL trong giai đoạn 2018-2022:

❖ Tổng hợp chỉ tiêu tài chính cơ bản

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	5 năm sau cổ phần hóa				
			2018	2019	2020	2021	2022
1	Doanh thu thuần	Tỷ đồng	45.804	57.244	67.597	77.702	88.057
2	Giá vốn	Tỷ đồng	42.610	53.057	62.354	71.363	80.450
3	Chi phí	Tỷ đồng	2.465	3.086	3.727	4.509	5.414
4	EBITDA	Tỷ đồng	1.115	1.678	2.231	2.673	3.193
	% doanh thu	%	2,4%	2,9%	3,3%	3,4%	3,6%

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	5 năm sau cổ phần hóa				
			2018	2019	2020	2021	2022
5	LNTT hợp nhất	Tỷ đồng	730	1.101	1.517	1.880	2.243
6	LNST hợp nhất	Tỷ đồng	584	881	1.214	1.504	1.795

Nguồn: PVOIL

❖ **Lợi nhuận phân theo lĩnh vực hoạt động**

Lợi nhuận trước thuế hợp nhất toàn Tổng Công ty theo từng lĩnh vực hoạt động như sau:

STT	Lĩnh vực kinh doanh	ĐVT	5 năm sau cổ phần hóa				
			2018	2019	2020	2021	2022
1	Dịch vụ ủy thác	Tỷ đồng	160	179	171	167	175
2	Kinh doanh SPD	Tỷ đồng	545	867	1.226	1.493	1.697
3	Kinh doanh khác	Tỷ đồng	25	56	120	220	372
	Cộng		730	1.101	1.517	1.880	2.243

Nguồn: PVOIL

5.2. Các chỉ tiêu tài chính Công ty mẹ - Tổng Công ty

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	2018	2019	2020	2021	2022
1	Doanh thu thuần	Tỷ đồng	26.519	34.857	42.212	49.390	56.768
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	618	727	862	1.001	1.146
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	524	629	753	881	1.013
4	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	10.342	10.342	10.342	10.342	10.342
5	Vốn CSH	Tỷ đồng	10.342	10.463	10.628	10.832	11.078
6	ROE	Tỷ đồng	5,1%	6,0%	7,1%	8,1%	9,1%
7	Cổ tức (60% LNST)	Tỷ đồng	3,0%	3,6%	4,4%	5,1%	5,9%

Nguồn: PVOIL

❖ **Chi tiết lợi nhuận Công ty mẹ**

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	2018	2019	2020	2021	2022
1	Dịch vụ ủy thác	Tỷ đồng	160	179	171	167	175
2	Kinh doanh xăng dầu	Tỷ đồng	344	286	342	384	423
3	Kinh doanh khác	Tỷ đồng	20	20	20	20	20
4	Thu nhập từ cổ tức	Tỷ đồng	95	242	329	430	529
	Cộng	Tỷ đồng	618	727	862	1.001	1.146

Nguồn: PVOIL

4.3 Lợi nhuận các Công ty con

TT	Lợi nhuận công ty con	ĐVT	2018	2019	2020	2021	2022
I	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	206	617	985	1.309	1.626
1	Kinh doanh xăng dầu	Tỷ đồng	201	581	884	1.109	1.274
1.1	<i>Trong nước</i>	Tỷ đồng	151	530	831	1.054	1.218
1.2	<i>Lào và Singapore</i>	Tỷ đồng	50	52	53	55	56
2	Kinh doanh khác	Tỷ đồng	5	36	100	200	352
II	LNST	Tỷ đồng	163	491	786	1.045	1.298

Nguồn: PVOIL

III. Kế hoạch đầu tư giai đoạn 2018-2022

1. Đầu tư XDCB và mua sắm trang thiết bị

Trong giai đoạn 5 năm 2018-2022, đầu tư XDCB và mua sắm trang thiết bị của PVOIL chủ yếu vào các dự án sau:

- Đầu tư xây mới CHXD với số lượng 50 CHXD/năm;
- Đầu tư dịch vụ gia tăng (non-oil) lại CHXD;
- Dự án kho xăng dầu Nghi Sơn giai đoạn II;
- Thiết bị sang nạp Jet A1;
- Đầu tư sửa chữa, bảo dưỡng kho cảng, mua sắm xe bồn.

Giá trị đầu tư XDCB cả giai đoạn là 7.049 tỷ đồng, bình quân 1.410 tỷ/năm, từ vốn chủ sở hữu 2.800 tỷ đồng và vốn vay 4.249 tỷ đồng.

TT	Hạng mục đầu tư	2018	2019	2020	2021	2022	Cộng
I	Đầu tư cho KDXD	943	755	585	585	585	3.453
1	Nâng cấp, mở rộng, bảo dưỡng kho	409	221	101	101	101	933
2	Xây dựng mới và cải tạo CHXD	400	400	400	400	400	2.000
3	Đầu tư và mua sắm khác	134	134	84	84	84	520
II	Đầu tư dịch vụ non-oil tại CHXD		328	642	1.056	1.570	3.596
	Tổng cộng	943	1.083	1.227	1.641	2.155	7.049
	<i>Trong đó: - Công ty Mẹ</i>	503	643	787	1201	1715	4.849
	<i>- Công ty con</i>	440	440	440	440	440	2.200
	<i>Nguồn vốn đầu tư: - vốn chủ sở hữu</i>	657	600	514	514	515	2.800
	<i>- Vốn vay và huy động khác</i>	286	483	713	1127	1640	4.249

Nguồn: PVOIL

2. Đầu tư tài chính dài hạn

PVOIL sẽ thực hiện góp vốn vào PVOIL Campuchia, đồng thời đẩy mạnh tìm kiếm và nắm bắt cơ

hội mua chi phối tại các công ty KDXD thông qua M&A

PVOIL dự kiến mua bán sáp nhập các doanh nghiệp kém hiệu quả, sau đó tái cấu trúc, cải tạo lại theo hướng hoạt động hiệu quả hơn là một trong những giải pháp quan trọng bậc nhất để đạt được mục tiêu mở rộng thị phần và cải thiện hiệu quả SXKD của PVOIL một cách bền vững vào năm 2022.

PVOIL sẽ cần phát triển thêm khoảng 1.050 CHXD nâng tổng số CHXD lên tới 1.550. Với giả thiết, trong số 1.050 CHXD phát triển mới này có khoảng 850 CHXD được mua lại từ các doanh nghiệp thông qua mua bán sáp nhập hoặc đầu tư xây mới và 200 CHXD còn lại được thuê lại để kinh doanh.

Sau khi mua lại toàn bộ hoặc mua chi phối các doanh nghiệp yếu kém hoặc các doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu có nhu cầu tái cấu trúc, PVOIL với uy tín, kinh nghiệm kinh doanh của mình cũng như của các đối tác/nhà đầu tư chiến lược sẽ cải tổ, tái cơ cấu, tổ chức lại bộ máy kinh doanh cũng như các hoạt động kinh doanh để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp này. Sự hoạt động hiệu quả của các doanh nghiệp sau tái cấu trúc sẽ góp phần quan trọng vào việc mở rộng thị phần và tối ưu hiệu quả sản xuất kinh doanh nói chung của PVOIL.

Tổng giá trị đầu tư tài chính dài hạn cả giai đoạn dự kiến là 4.194 tỷ đồng

3. Nguồn vốn đầu tư

Tổng vốn đầu tư cho cả giai đoạn là 11.240 tỷ đồng, bình quân khoảng 2.250 tỷ đồng/năm sẽ được cân đối từ các nguồn:

- Vốn chủ sở hữu: khoảng 7.000 tỷ đồng sẽ được thu xếp từ các nguồn tiền mặt hiện có, khấu hao TSCĐ và từ quỹ Đầu tư phát triển.
- Vốn vay thương mại và vốn khác: khoảng 4.000 tỷ đồng

IV. Giải pháp thực hiện

Với các phân tích về vị thế, các cơ hội, thách thức của PVOIL trong giai đoạn tới, để đạt được các mục tiêu đề ra, PVOIL sẽ phải hết sức nỗ lực để triển khai đồng bộ hàng loạt giải pháp dưới đây:

1. Giải pháp về thị trường và sản phẩm

- Đẩy mạnh công tác dự báo thị trường, tối ưu công tác điều hành nguồn, tồn kho hợp lý;
- Kiên trì và quyết liệt triển khai Đề án 1114 nhằm không ngừng nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng tại các cửa hàng xăng dầu, với phương châm “Bán đúng-bán đủ-phục vụ chu đáo”, góp phần vào việc gia tăng sản lượng kinh doanh tại các cửa hàng xăng dầu hiện hữu.
- Kiên trì và quyết liệt triển khai Đề án 808 nhằm không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ tại các kho cảng xăng dầu, với phương châm “an toàn-chính xác-nhanh chóng”.
- Đa dạng hóa các hình thức kinh doanh, sáng tạo các hình thức kinh doanh xăng dầu mới. Ví dụ: triển khai thử nghiệm mô hình kinh doanh bán lẻ PVOIL Mobile (xe bồn/cây xăng di động); triển khai các hình thức bán hàng thanh toán sau thông qua Chương trình Khách hàng thành viên ứng dụng công nghệ thông tin QR Code để gia tăng sản lượng bán cho các khách hàng thương mại... PVOIL kỳ vọng sẽ tìm được Nhà đầu tư chiến lược phù hợp để phát triển lĩnh vực này nhằm gia tăng thị phần.
- Không ngừng cải thiện chất lượng công tác vận tải xăng dầu;
- Phát triển các dịch vụ gia tăng tại CHXD như: cửa hàng tiện lợi, cửa hàng tạp hóa kết hợp các dịch vụ thanh toán ngân hàng; trạm chăm sóc (garage) oto, xe máy; cửa hàng café... phù hợp

với đặc điểm từng địa phương. Đây chính là lĩnh vực từ trước đến nay còn bỏ ngỏ và rất có tiềm năng phát triển trong tương lai. PVOIL kỳ vọng với sự hỗ trợ của Nhà đầu tư chiến lược sẽ phát triển mạnh mẽ lĩnh vực này nhằm tạo ra dòng tiền tốt và gia tăng đáng kể lợi nhuận.

- Nâng cao chất lượng và đa dạng hóa sản phẩm xăng dầu, mở rộng đáp ứng yêu cầu và thị hiếu người tiêu dùng;
- Tiếp tục phát triển mở rộng hệ thống phân phối trong nước; ổn định và mở rộng thị trường Lào, Campuchia và các nước khác trong khu vực;
- Tích cực tìm kiếm cơ hội để trở thành nhà cung cấp nhiên liệu hàng không (nhiên liệu phản lực Jet A1, xăng máy bay...) cho hệ thống các sân bay ở trong nước và ngoài nước (Lào, Campuchia...).

2. Giải pháp về vốn và tài sản

- Tái cơ cấu vốn: Đối với các đơn vị thành viên: tùy đặc thù của từng công ty sẽ tiếp tục tinh gọn bộ máy, tập trung vào hoạt động kinh doanh chính hoặc sáp nhập, thoái vốn, giảm tỷ lệ sở hữu. Đối với các khoản đầu tư vào các công ty liên kết không hiệu quả, PVOIL sẽ kiên quyết thực hiện thoái vốn;
- Tái cơ cấu tài sản: Tiếp tục rà soát, sắp xếp, bố trí lại cơ cấu sức chứa, cơ cấu bồn bể; Tăng năng lực tồn chứa, khả năng xuất nhập ở những kho có lợi thế; chuyển nhượng hoặc cho thuê sức chứa;
- Tăng cường công tác theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả sử dụng vốn và tài sản trong toàn hệ thống.

3. Giải pháp về đầu tư

- Đẩy mạnh tìm kiếm cơ hội đầu tư mua cổ phần chi phối tại các công ty KDXD có mạng lưới phân phối tốt và kinh doanh hiệu quả;
- Tiếp tục đẩy mạnh đầu tư phát triển CHXD dưới nhiều hình thức; phát triển các dịch vụ tiện ích tại các CHXD;
- Đầu tư có chọn lọc một số dự án xây dựng và mở rộng kho cảng tại một số thị trường tiềm năng;
- Phát triển hệ thống xe bồn vận tải xăng dầu mang thương hiệu PVOIL, từng bước đáp ứng nhu cầu kinh doanh của hệ thống;
- Tiếp tục đầu tư nâng cấp đồng bộ hệ thống trang thiết bị công nghệ và phần mềm quản lý trong toàn hệ thống;

4. Giải pháp về quản lý

- Tổ chức bộ máy: Cơ cấu lại các ban Tổng Công ty theo hướng gọn nhẹ, hiệu quả, giảm bớt số lượng lao động gián tiếp; Tiếp tục tổ chức lại hệ thống các đơn vị thành viên KDXD, tránh cạnh tranh nội bộ, tập trung nguồn lực, tiết giảm chi phí, nâng cao hiệu quả hoạt động phù hợp với quy định hiện hành;
- Đẩy mạnh ứng dụng CNTT, hoàn thiện hệ thống ERP để nâng cao năng lực quản lý, điều hành và kiểm soát hệ thống;

- Thường xuyên đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng cho toàn thể đội ngũ nhằm nâng cao tính chuyên nghiệp và hiệu quả công việc;
- Đẩy mạnh công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, tiết giảm chi phí trong toàn hệ thống.

5. Giải pháp về mua bán sáp nhập (M&A)

Hiện nay, Việt Nam đang có tới gần 30 đầu mối kinh doanh xăng dầu. Tuy nhiên, 2 doanh nghiệp hàng đầu là Petrolimex và PVOIL đã chiếm tới 70% thị phần, 3 doanh nghiệp tiếp theo là Thành Lễ, SaigonPetro, Xăng dầu Quân đội MP chiếm 20% thị phần trong khi hơn 20 doanh nghiệp còn lại chỉ chiếm 10% thị phần. Như vậy, có thể nói số lượng doanh nghiệp đầu mối là rất lớn, tuy nhiên, quy mô của hầu hết đầu mối lại rất nhỏ. Trong đó, có rất nhiều doanh nghiệp hoạt động không chuyên nghiệp, thiếu minh bạch và tồn tại nhờ những hoạt động gian lận thương mại.

Để tạo ra môi trường kinh doanh lành mạnh và bình đẳng, hiện nay, Chính phủ đang rất quyết tâm và có những giải pháp và hành động mạnh mẽ nhằm đẩy lùi và tiến tới triệt tiêu hoàn toàn hoạt động buôn lậu xăng dầu cũng như những hành vi gian lận thương mại khác trong kinh doanh xăng dầu. Trong bối cảnh này, những công ty kinh doanh xăng dầu có quy mô nhỏ lẻ sẽ khó tồn tại, tạo ra các cơ hội mua bán sáp nhập.

Chính vì vậy, bên cạnh việc thoái vốn tại các công ty hoạt động kém hiệu quả và có lĩnh vực hoạt động không phù hợp, trong giai đoạn sau cổ phần hóa, với tiềm lực tài chính mạnh mẽ từ các cổ đông chiến lược, PVOIL sẽ tiến hành nghiên cứu thị trường, tìm kiếm và nghiên cứu các cơ hội mua lại một phần hoặc phần lớn hoặc toàn bộ một hoặc một số doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu thông qua hình thức mua bán sáp nhập để mở rộng một cách hiệu quả thị phần và đặc biệt là gia tăng mạnh mẽ sản lượng bán lẻ nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh xăng dầu. Đây chính là giải pháp hết sức quan trọng giúp PVOIL nhanh chóng mở rộng thị phần và hệ thống CHXD.

V. Kế hoạch thoái vốn tại Petec

PVOIL nhận chuyển nhượng phần vốn của PVN tại Petec và Petec trở thành công ty thành viên của PVOIL (PV OIL sở hữu 94,8% vốn điều lệ) từ tháng 4/2013.

Petec có vốn điều lệ đăng ký là 2.600 tỷ đồng, vốn điều lệ thực góp là 2.489 tỷ đồng. Vốn chủ sở hữu của Petec tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp PVOIL (ngày 31/12/2015) là 851 tỷ đồng do hoạt động kinh doanh thua lỗ liên tục từ năm 2011 trở lại đây.

Petec có hệ thống kho gần 140.000 m³, bao gồm các kho: An Hải (Hải Phòng), Hòa Hiệp (Đà Nẵng), Cái Mép (Bà Rịa – Vũng Tàu), Vĩnh Long (Vĩnh Long) và hệ thống 30 CHXD nằm rải rác tại các địa bàn trên toàn quốc.

Petec hoạt động trên địa bàn cả nước với sản lượng kinh doanh hiện nay khoảng hơn 350 nghìn m³/tấn/năm, chiếm hơn 10% tổng sản lượng kinh doanh của PVOIL, trong đó 93% qua kênh bán buôn – là kênh bán hàng kém hiệu quả nhất và 7% là kênh bán lẻ trực tiếp qua CHXD.

Tại thời điểm tiếp nhận (tháng 5/2013) Petec lỗ lũy kế gần 1.200 tỷ đồng. Sau hơn 4 năm nhập về hệ thống PVOIL, với nhiều nỗ lực tái cấu trúc, Petec vẫn tiếp tục lỗ thêm gần 500 tỷ đồng chủ yếu do quy mô tài sản lớn, lại trùng với hệ thống sẵn có của PVOIL nên khai thác không hiệu quả.

Để tối ưu hiệu quả sử dụng vốn và tài sản, giảm thiểu cạnh tranh nội bộ, PVOIL đang tiến hành thoái toàn bộ vốn tại Petec, việc thoái vốn có thể kéo dài đến sau thời điểm PVOIL chuyển thành công ty cổ phần.

Lưu ý: nhà đầu tư mua cổ phần của PVOIL đồng nghĩa với việc chấp thuận để PVOIL tiếp tục thoái vốn tại Petec theo phương án đã duyệt.

VI. Rủi ro dự kiến

1. Rủi ro kinh tế

Yếu tố vĩ mô của nền kinh tế có tác động lớn trong quá trình tăng trưởng của doanh nghiệp. Hiệu quả hoạt động và triển vọng kinh doanh đặt ra yêu cầu doanh nghiệp phải thích nghi kịp thời với sự biến động của các yếu tố từ môi trường kinh doanh. Rủi ro về kinh tế được xác định là loại rủi ro hệ thống tạo ra từ yếu tố vĩ mô, trong đó các yếu tố cơ bản tác động đến hoạt động kinh doanh là i) tốc độ tăng trưởng kinh tế; ii) tỷ lệ lạm phát iii) tỷ lệ lãi suất và iv) tỷ giá. Phân tích môi trường vĩ mô nền kinh tế nhằm dự phòng mức độ tác động của yếu tố rủi ro đến chiến lược tăng trưởng và đảm bảo sự vận hành mô hình kinh doanh.

1.1. Tốc độ tăng trưởng kinh tế

Nhu cầu tiêu thụ xăng dầu phục vụ sản xuất và vận chuyển gắn liền với tốc độ tăng trưởng kinh tế. Theo số liệu từ Tổng cục Thống kê, tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2016 tăng 6,2% so với năm 2015, sản xuất công nghiệp tiếp tục được mở rộng và có mức tăng trưởng toàn ngành đến 7,5%.

Theo dự báo của Chính phủ, GDP tiếp tục giữ tốc độ tăng trưởng trên 6% cả giai đoạn 2017-2020 và những năm sau đó.

1.2. Rủi ro lạm phát

Lạm phát là yếu tố vĩ mô có tác động đến toàn bộ nền kinh tế, ảnh hưởng không nhỏ đến nền kinh tế nói chung và Công ty nói riêng. Việt Nam ghi nhận mức lạm phát 4,74% trong năm 2016.

1.3. Rủi ro lãi suất

Bên cạnh lạm phát, lãi suất là một chỉ số tài chính quan trọng ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động của Công ty do một phần vốn lưu động và đầu tư là vốn vay. Trong trung hạn, lãi suất được dự báo sẽ ổn định, lãi suất trái phiếu chính phủ kỳ hạn 5 năm và kỳ hạn 7 năm ở mức dưới 6%.

1.4. Rủi ro tỷ giá

PVOIL là doanh nghiệp nhập khẩu xăng dầu (với sản lượng chiếm khoảng 25-30% tổng sản lượng) nên chịu ảnh hưởng về biến động tỷ giá. Trong năm 2016, Đồng Việt Nam (VND) đã duy trì sự ổn định đáng kể, kết thúc năm 2016 với mức trượt giá chỉ 1,2%.

2. Rủi ro về giá dầu và điều hành giá của Chính phủ

Hoạt động kinh doanh của Công ty có liên quan mật thiết với giá dầu thô và xăng dầu trên thị trường thế giới. Trong những năm trước, giá xăng dầu do Chính phủ quyết định, các doanh nghiệp KDXD không chủ động được trước biến động của giá cả xăng dầu thế giới. Tuy nhiên, từ khi Nghị định 83/2014/NĐ-CP ra đời (ban hành ngày 03/9/2014 và có hiệu lực ngày 01/11/2014), đã có những thay đổi mang tính đột phá theo cơ chế thị trường, đã giúp cho việc điều hành giá xăng dầu tiệm cận hơn với thị trường, các doanh nghiệp KDXD (doanh nghiệp đầu mối và thương nhân phân phối) được tự quyết định về giá (nếu biên độ dao động giá dưới 3%), phần nào giúp cho các doanh nghiệp hạn chế được rủi ro biến động giá xăng dầu.

Điều hành KDXD của Chính phủ trong 2 năm gần đây đã thể hiện sự minh bạch và tiếp cận thị trường, tuy nhiên vẫn còn những bất cập, tiềm ẩn rủi ro cho doanh nghiệp, cụ thể:

- Rủi ro về độ trễ trong điều hành giá bán trong nước (biên độ điều chỉnh áp dụng hiện nay là 15 ngày)
- Quy định việc tồn kho lưu thông bắt buộc 30 ngày
- Chính phủ quyết định về chi phí và lợi nhuận định mức trong KDXD

3. Rủi ro cháy nổ, ô nhiễm môi trường

Ngành nghề của doanh nghiệp là kinh doanh xăng dầu. Đây là ngành nghề có khả năng cao xảy ra các sự cố cháy, nổ, hỏa hoạn, ô nhiễm môi trường... để lại hệ lụy nặng nề đến hoạt động kinh doanh của Công ty khi có sự cố xảy ra. Để hạn chế và kiểm soát rủi ro đặc thù này, PVOIL đã trang bị hệ thống phòng cháy chữa cháy theo đúng quy định, tổ chức lực lượng chữa cháy tại chỗ, thuê đơn vị chuyên ngành triển khai các giải pháp phòng, chống tràn dầu và mua đầy đủ các loại bảo hiểm rủi ro tài sản, bảo hiểm cháy nổ....

4. Rủi ro về pháp luật

Rủi ro luật pháp là rủi ro phát sinh do việc không áp dụng kịp thời, không phù hợp các văn bản pháp luật trong quá trình triển khai hoạt động kinh doanh của Công ty.

Sau IPO PVOIL là một công ty cổ phần đại chúng, hoạt động kinh doanh của Công ty bị chi phối bởi các văn bản pháp luật do Nhà nước quy định, trong đó trọng yếu là Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật khác liên quan đến các ngành nghề hoạt động của Công ty. Hiện nay hệ thống pháp luật của nước ta chưa ổn định và nhất quán, các văn bản hướng dẫn thi hành vẫn chưa hoàn chỉnh và đang trong giai đoạn hoàn thiện nên còn nhiều sửa đổi bổ sung dẫn đến có nhiều sự thay đổi và có thể phát sinh bất cập, ít nhiều sẽ ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Do vậy, để hạn chế tối đa những rủi ro phát sinh liên quan đến yếu tố pháp lý trong quá trình hoạt động, Công ty luôn theo dõi, nghiên cứu và cập nhật các văn bản pháp luật có liên quan đến hoạt động của mình, đồng thời tham khảo và thuê tư vấn đối với những vấn đề pháp lý nằm ngoài khả năng của Công ty.

5. Rủi ro của đợt chào bán

Trường hợp sau khi chào bán đấu giá, đối với số lượng cổ phần không chào bán hết thì PVOIL sẽ xin ý kiến Ban chỉ đạo cho phép nhà đầu tư chiến lược được mua số cổ phần này. Do đó, PVOIL đánh giá rủi ro của đợt chào bán là không đáng kể.

6. Rủi ro khác

Ngoài các rủi ro đã trình bày trên, hoạt động của Công ty có thể chịu ảnh hưởng của thiên tai như động đất, dịch bệnh, lũ lụt... mà khi xảy ra có thể gây thiệt hại tài sản của Công ty cũng như ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Đây là những rủi ro ít gặp trong thực tế nhưng khi xảy ra thường gây thiệt hại rất lớn về vật chất và con người cũng như tình hình hoạt động chung của Công ty.

PHẦN 4: THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN

I. Phương thức chào bán cổ phần

1. Cơ cấu chào bán

PVOIL đưa ra phương án chào bán cổ phần cụ thể như sau:

TT	Cổ đông	Số lượng cổ phần	Giá trị theo mệnh giá (Tr. đồng)	Tỷ lệ nắm giữ	Hình thức chào bán
1	Cổ phần Nhà nước	363.014.555	3.630.146	35,10%	
2	Cổ phần bán ưu đãi cho người lao động	1.864.300	18.643	0,18%	
2.1	<i>Cổ phần bán ưu đãi cho người lao động theo thâm niên công tác</i>	813.800	8.138	0,08%	
2.2	<i>Cổ phần bán ưu đãi cho người lao động theo cam kết làm việc</i>	1.050.500	10.505	0,10%	
3	Cổ phần bán đấu giá công khai IPO	206.845.900	2.068.459	20,00%	Đấu giá IPO
4	Cổ phần bán đối tác chiến lược	462.504.745	4.625.047	44,72%	Chào bán riêng lẻ
	TỔNG CỘNG	1.034.229.500	10.342.295	100%	

Tỷ lệ sở hữu của tất cả các nhà đầu tư nước ngoài tối đa là 49% vốn điều lệ.

Với chi tiết các đợt phát hành cổ phần như sau:

2. Phát hành cổ phần lần đầu ra công chúng trong nước (IPO)

Số cổ phần thực hiện bán cho các nhà đầu tư bên ngoài như sau:

- Số lượng cổ phần: 206.845.900 cổ phần tương đương 20% tổng số cổ phần, với tổng mệnh giá là 2.068.459.000.000 đồng (hai nghìn không trăm sáu mươi tám tỷ, bốn trăm năm mươi chín triệu đồng)
- Giá khởi điểm dự kiến: 13.400 đồng/cổ phần.
- Thời gian bán đấu giá: Trong vòng 03 tháng sau khi có Quyết định phê duyệt Phương án cổ phần hóa.

- Địa điểm tổ chức đấu giá: Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh, số 16 Võ Văn Kiệt, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
- Đối tượng tham gia đấu giá: Các nhà đầu tư cá nhân, nhà đầu tư tổ chức trong nước và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

3. Phát hành cổ phần cho người lao động

- Đối tượng, số lượng cổ phần, giá bán

TT	Tiêu chí phân loại cổ phần mua ưu đãi	Số lượng CBNV được mua ưu đãi	Số cổ phần ưu đãi	Giá ưu đãi
1	Người lao động được mua cổ phần ưu đãi theo số năm thực tế làm việc tại khu vực nhà nước	710	813.800	Bằng 60% giá đấu thành công thấp nhất
2	Người lao động có cam kết làm việc lâu dài cho doanh nghiệp trong thời hạn ít nhất là 03 năm sau CPH	289	523.000	Bằng với giá đấu thành công thấp nhất
3	Người lao động là các chuyên gia giỏi, có trình độ chuyên môn cam kết làm việc tiếp cho doanh nghiệp sau CPH	124	527.500	Bằng với giá đấu thành công thấp nhất
	TỔNG CỘNG		1.864.300	

4. Phát hành cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược

- Đối tượng: các nhà đầu tư trong và ngoài nước
- Tổng số cổ phần dự kiến chào bán cho nhà đầu tư chiến lược là 462.504.745 cổ phần, tương đương 44,72% cổ phiếu của Công ty. Khối lượng sở hữu tối đa của nhà đầu tư chiến lược nước ngoài tương đương = 49% - (X)% Vốn điều lệ, trong đó X là số phần trăm Vốn điều lệ đã được bán thành công cho Nhà đầu tư nước ngoài thông qua IPO.
- Thời điểm bán cổ phần: Sau khi hoàn tất đợt phát hành cổ phần lần đầu ra công chúng (IPO).
- Phương thức và giá bán cho nhà đầu tư chiến lược
 - ✚ Phương thức bán: Phương pháp thỏa thuận trực tiếp hoặc chào giá cạnh tranh phù hợp với quy định tại Thông tư 196/2011/TT-BTC.
 - ✚ Giá bán: Giá bán cho nhà đầu tư chiến lược không thấp hơn giá đấu thành công bình quân của cuộc đấu giá công khai.

Điều kiện và tiêu chí để trở thành nhà đầu tư chiến lược của PVOIL được quy định chi tiết trong Quyết định số 1979/QĐ-TTg ngày 08/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ (Phụ lục số 04)

5. Thanh toán tiền mua cổ phần

Theo quy định tại Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của Tổng Công ty Dầu Việt Nam – TNHH MTV do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ban hành.

II. Kế hoạch sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa

Việc quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa được thực hiện theo quy định tại Mục III Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài chính.

Số tiền thu được từ cổ phần hóa doanh nghiệp sẽ sử dụng để thanh toán chi phí cổ phần hóa và chi phí sắp xếp lao động dôi dư theo chế độ Nhà nước quy định. Phần còn lại nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp.

III. Niêm yết, đăng ký giao dịch cổ phiếu trên thị trường chứng khoán

Trong thời hạn tối đa 90 ngày kể từ ngày IPO, PVOIL sẽ thực hiện đăng ký lưu ký cổ phần, cổ phiếu tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam và đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch Upcom. Trường hợp đủ điều kiện niêm yết theo quy định của pháp luật về chứng khoán thì PVOIL sẽ thực hiện niêm yết ngay sau khi kết thúc đợt chào bán cổ phần.

PHẦN 5: KẾT LUẬN

Bản công bố thông tin được cung cấp cho nhà đầu tư nhằm mục đích giúp nhà đầu tư có thể đánh giá tình hình tài sản, nguồn vốn, tình hình tài chính, kết quả và triển vọng kinh doanh của Công ty mẹ - Tổng Công ty Dầu Việt Nam trước khi đăng ký mua cổ phần.

Bản công bố thông tin được lập trên cơ sở Phương án cổ phần hóa đã được duyệt của Công ty mẹ - Tổng Công ty Dầu Việt Nam và các thông tin, số liệu do Công ty mẹ - Tổng Công ty Dầu Việt Nam cung cấp, đảm bảo tính công khai minh bạch và bảo vệ quyền lợi hợp pháp của các nhà đầu tư. Việc đánh giá, lựa chọn thông tin và ngôn từ trong Bản công bố thông tin này được thực hiện một cách cẩn trọng và hợp lý dựa trên số liệu và thông tin do Công ty mẹ - Tổng Công ty Dầu Việt Nam cung cấp.

Chúng tôi kính mong các nhà đầu tư tham khảo kỹ Bản công bố thông tin này trước khi quyết định tham gia đấu giá cổ phần của Công ty mẹ - Tổng Công ty Dầu Việt Nam.

**BAN CHỈ ĐẠO CỔ PHẦN HÓA
TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM – CÔNG TY TNHH MTV**

TRƯỞNG BAN CHỈ ĐẠO



[Handwritten signature]
ĐINH VĂN SƠN

**ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA
TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM – CÔNG TY TNHH MTV**

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN ✓



[Handwritten signature]
NGUYỄN HOANG TUẤN

TỔNG GIÁM ĐỐC

[Handwritten signature]
CAO HOÀI DƯƠNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG

[Handwritten signature]

NGUYỄN ĐĂNG TRÌNH

**ĐẠI DIỆN TỜ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT**

TỔNG GIÁM ĐỐC



[Handwritten signature]

TÔ HẢI

Phụ lục 01: DANH SÁCH VÀ PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG ĐẤT

S TT	TÊN KHU ĐẤT	ĐỊA CHỈ	DIỆN TÍCH	MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT + NGUỒN GỐC SỬ DỤNG ĐẤT HIỆN TẠI	THỜI HẠN SỬ DỤNG ĐẤT HIỆN TẠI	MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT SAU CỖ PHẦN	HÌNH THỨC SỬ DỤNG ĐẤT SAU KHI CỖ PHẦN	GHI CHÚ
A	ĐẤT KIẾN NGHỊ SỬ DỤNG SAU CỖ PHẦN HOÁ		510.633,4					
I	ĐẤT THUÊ TRẢ TIỀN HÀNG NĂM		406.050,5					
1	Xí nghiệp Tổng kho xăng dầu Miền Đông	Đường 30-4, Phường Thắng Nhất, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu	5.586,8	Nhà nước cho thuê đất trả tiền hằng năm Đất thương mại, dịch vụ làm khu căn cứ dịch vụ dầu khí cảng Thượng lưu	50 năm kể từ 26/06/2008	Đất thương mại, dịch vụ (làm khu căn cứ dịch vụ dầu khí cảng Thượng lưu)	Trả tiền thuê đất hằng năm	(1)
2	Kho xăng dầu Cù Lao Tàu	Phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu	97.000,0	Nhà nước cho thuê đất trả tiền hằng năm Đất cơ sở sxkd làm kho xăng dầu Cù Lao Tàu	50 năm kể từ 06/06/2008	Đất cơ sở sản xuất kinh doanh (làm kho xăng dầu Cù Lao Tàu)	Trả tiền thuê đất hằng năm	(1)
3	Xí nghiệp Tổng kho xăng dầu Nhà Bè	Xã Phú Xuân, huyện Nhà Bè, TP.HCM	133.287,0	Nhà nước cho thuê đất trả tiền hằng năm Đất cơ sở sxkd xây dựng kho và cảng xăng dầu	50 năm kể từ 05/11/1998	Đất cơ sở sản xuất kinh doanh (xây dựng kho và cảng xăng dầu)	Trả tiền thuê đất hằng năm	(1)
4	Kho xăng dầu Dung Quất	Xã Bình Thuận, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi	23.201,0	Nhà nước cho thuê đất trả tiền hằng năm Đất cơ sở sxkd xây dựng khu bồn chứa và Trạm xuất xăng dầu	49 năm kể từ 12/12/2011 đến 12/12/2060	Đất thương mại, dịch vụ (làm cửa hàng kinh doanh xăng dầu)	Trả tiền thuê đất hằng năm	
5	CHXD tại 229 Nguyễn Tất Thành, Phú Yên	229 Nguyễn Tất Thành, P.8, Tuy Hòa- Phú Yên	762,0	Nhà nước cho thuê đất trả tiền hằng năm Đất thương mại, dịch vụ (làm CHXD)	Đến 31/10/2022	Đất thương mại, dịch vụ (làm cửa hàng kinh doanh xăng dầu)	Trả tiền thuê đất hằng năm	
6	CHXD tại 306 Bà Triệu, P. Đông Thọ, tỉnh Thanh Hóa	306 Bà Triệu, P. Đông Thọ, tỉnh Thanh Hóa	1.055,0	Nhà nước cho thuê đất trả tiền hằng năm	Đến 01/07/2061	Đất cơ sở sản xuất kinh doanh (cửa hàng kinh doanh xăng dầu)	Trả tiền thuê đất hằng năm	
7	Xí nghiệp Tổng kho xăng dầu Miền Đông	54B đường 30-4, Phường Thắng Nhất, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu	116.108,2	Nhà nước cho thuê đất trả tiền hằng năm Đất cơ sở sxkd làm Tổng kho xăng dầu	50 năm kể từ 27/02/2007	Đất cơ sở sản xuất kinh doanh (làm Tổng kho xăng dầu)	Trả tiền thuê đất hằng năm	(1)
8	CHXD tại xã Mai Lâm, huyện Đông Anh, Hà Nội	Xã Mai Lâm, huyện Đông Anh, Hà Nội	2.939,5	Nhà nước cho thuê đất trả tiền hằng năm Đất xây dựng công trình	30 năm kể từ 04/12/1996	Đất xây dựng công trình (1.962,5m ²); Đất thuộc chỉ giới lưu không đường (977m ²)	Trả tiền thuê đất hằng năm	(1)
9	CHXD tại Vĩnh Yên, Vĩnh Phúc	Phường Khai Quang, Vĩnh Yên, Vĩnh Phúc	2.480,0	Nhà nước cho thuê đất trả tiền hằng năm Đất cơ sở sxkd	Đến 22/08/2028	Đất cơ sở sản xuất kinh doanh (cửa hàng kinh doanh xăng dầu)	Trả tiền thuê đất hằng năm	(1)
10	CHXD Tân Thịnh, Thái Nguyên	Phường Tân Thịnh, TP.Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	750,0	Nhà nước cho thuê đất trả tiền hằng năm Đất cơ sở sxkd	Đến 05/01/2019	Đất cơ sở sản xuất kinh doanh (cửa hàng kinh doanh xăng dầu)	Trả tiền thuê đất hằng năm	(1)

S TT	TÊN KHU ĐẤT	ĐỊA CHỈ	DIỆN TÍCH	MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT + NGUỒN GỐC SỬ DỤNG ĐẤT HIỆN TẠI	THỜI HẠN SỬ DỤNG ĐẤT HIỆN TẠI	MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT SAU CỐ PHẦN	HÌNH THỨC SỬ DỤNG ĐẤT SAU KHI CỐ PHẦN	GHI CHÚ
11	CHXD Điện Ngọc, Quảng Nam	Xã Điện Ngọc, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam	1.739,3	Nhà nước cho thuê đất trả tiền hằng năm Đất cơ sở sxkd	Đến tháng 12/2022	Đất cơ sở sản xuất kinh doanh (cửa hàng kinh doanh xăng dầu)	Trả tiền thuê đất hằng năm	
12	CHXD Nam Thành, Ninh Bình	Phường Nam Thành, Ninh Bình	1.944,0	Nhận chuyển nhượng. Nguồn gốc Nhà nước cho thuê đất trả tiền hằng năm. Đất cơ sở sxkd	49 năm từ 07/12/2000 đến hết 07/12/2049	Đất cơ sở sản xuất kinh doanh (cửa hàng kinh doanh xăng dầu)	Trả tiền thuê đất hằng năm	
13	CHXD phường Thanh Miếu, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ	phường Thanh Miếu, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ	2.910,0	Nhận chuyển nhượng Đất xây dựng chuyên biệt	30 năm kể từ 08/11/2000	Đất cơ sở sản xuất kinh doanh (cửa hàng kinh doanh xăng dầu)	Trả tiền thuê đất hằng năm	
14	CHXD An Hải, Hải Phòng	Xã An Hưng, huyện An Hải, Hải Phòng	7.267,7	Nhận chuyển nhượng. Nguồn gốc đất thuê trả tiền thuê đất hàng năm Đất xây dựng CHXD	Đến tháng 08/2027	Đất cơ sở sản xuất kinh doanh (cửa hàng kinh doanh xăng dầu)	Trả tiền thuê đất hằng năm	(1)
15	CHXD Hồ Sen, Hà Nội	Nguyễn Sơn-Long Biên-Hà Nội	464,0	Nhận chuyển nhượng		Đất cơ sở sản xuất kinh doanh (cửa hàng kinh doanh xăng dầu)	Trả tiền thuê đất hằng năm	(1)
16	CHXD Phù Lỗ -Sóc Sơn, Hà Nội	Thị trấn Phù Lỗ, Sóc Sơn, Hà Nội	1.420,7	Nhận chuyển nhượng		Đất cơ sở sản xuất kinh doanh (cửa hàng kinh doanh xăng dầu)	Trả tiền thuê đất hằng năm	(1)
17	CHXD Mỹ Thuận, Nam Định	Xã Mỹ Thuận, huyện Mỹ Lộc, Nam Định	3.030,3	Nhà nước cho thuê đất trả tiền hằng năm Đất xây dựng CHXD	Thời hạn sử dụng: 30 năm kể từ ngày 29/12/2000 (1.210,3m ²), tạm giao (1.820m ²)	Đất xây dựng CHXD (1.210,3m ²); Đất hành lang an toàn giao thông (1.820m ²)	Trả tiền thuê đất hằng năm	(1)
18	CHXD Tam Đàn, Quảng Nam	Xã Tam Đàn, thị xã Tam Kỳ, Quảng Nam	3.025,0	Nhà nước cho thuê Đất xây dựng CHXD	Đến tháng 08/2018	Đất xây dựng CHXD (1.925m ²), đất hành lang giao thông (1.100m ²)	Trả tiền thuê đất hằng năm	
19	Văn phòng xí nghiệp Mai Lâm Đông Anh Hà Nội	xã Mai Lâm, huyện Đông Anh, Hà Nội	1.080,0	nhận chuyển nhượng. Nguồn gốc: Nhà nước cho thuê		đất xây dựng văn phòng	Trả tiền thuê đất hằng năm	(1)
II	ĐẤT THUÊ TRẢ MỘT LẦN		104.582,90					
1	Văn phòng chi nhánh Tổng công ty Dầu Việt Nam tại Bà Rịa- Vũng Tàu	Số 10 đường Lê Lợi, P.1, TP.Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu	102,9	Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất Đất cơ sở sxkd	50 năm đến 07/01/2059	Đất cơ sở sản xuất kinh doanh	Hết thời hạn giao đất từ ngày 07/1/2059 chuyển sang hình thức thuê đất	

S TT	TÊN KHU ĐẤT	ĐỊA CHỈ	DIỆN TÍCH	MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT + NGUỒN GỐC SỬ DỤNG ĐẤT HIỆN TẠI	THỜI HẠN SỬ DỤNG ĐẤT HIỆN TẠI	MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT SAU CỐ PHẦN	HÌNH THỨC SỬ DỤNG ĐẤT SAU KHI CỐ PHẦN	GHI CHÚ
2	Xí nghiệp Tổng kho xăng dầu Đình Vũ	Lô đất F5, khu công nghiệp Đình Vũ, P.Đông Hải, quận Hải An, TP.Hải Phòng	53.790,0	Thuê lại đất của Công ty Liên doanh TNHH phát triển Đình Vũ Đất xây dựng tổng kho xăng dầu	30 năm kể từ 05/04/2001 đến 05/04/2031	Đất xây dựng tổng kho xăng dầu	Thuê lại đất của Công ty Liên doanh TNHH phát triển Đình Vũ trả tiền một lần (thời hạn đến 05/4/2031)	
3	CHXD Châu Thành, Tây Ninh	Khu phố 3, thị trấn Châu Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh	3.958,6	Công nhận QSDĐ như giao đất có thu tiền sử dụng đất (400 m2). Nhà nước giao đất cho thu tiền SĐĐ (3.407m2) Đất cơ sở sxkd - SKC (xây dựng CHXD)	Lâu dài: 400 m2 Đến 25/05/2061: 3.407 m2	Đất cơ sở sản xuất kinh doanh-SKC (xây dựng CHXD)	Thuê đất trả tiền một lần (3.807m2). Diện tích 151,6m2 đất hành lang	
4	CHXD tại thị trấn Châu Thành, Bến Tre	Thị trấn Châu Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre	2.030,0	Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất Đất cơ sở sxkd	Lâu dài: 200 m2 Đến 26/07/2041: 1.830 m2	Đất cơ sở sản xuất kinh doanh (cửa hàng kinh doanh xăng dầu)	Thuê đất trả tiền một lần	
5	CHXD Nguyễn Văn Tuấn tại Vĩnh Mỹ, An Giang	Phường Vĩnh Mỹ, thị xã Châu Đốc, An Giang	2.193,10	Công nhận QSDĐ như giao đất có thu tiền sử dụng đất Đất ở tại đô thị: 400 m2 Đất chuyên dùng: 1.793,18 m2	Thời hạn sử dụng:lâu dài (400m2), phần còn lại: không ghi	400m2 :Đất ở tại đô thị, 1.793,18m2 là cơ sở sản xuất kinh doanh	Thuê đất trả tiền một lần	
6	CHXD tại 249 Ngô Quyền, Đà Nẵng	249 Ngô Quyền, P. An Hải Bắc, quận Sơn Trà, Đà Nẵng	765,1	Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất Đất ở tại đô thị	Lâu dài	Đất ở tại đô thị	Trả tiền thuê đất 1 lần	
7	CHXD đường Phạm Hùng, xã Hòa Châu, huyện Hòa Vang, TP.Đà Nẵng	Mặt tiền đường Phạm Hùng, xã Hòa Châu, huyện Hòa Vang, TP.Đà Nẵng	1.003,7	Lâu dài Đất cơ sở sxkd	Lâu dài	Đất cơ sở sản xuất kinh doanh (cửa hàng kinh doanh xăng dầu)	Trả tiền thuê đất 1 lần	
8	CHXD tại Tân Hiệp, Tây Ninh	Xã Tân Hiệp, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh	2.441,0	Nhận chuyển nhượng đất CN QSDĐ như giao đất không thu tiền SĐĐ (400m2) và có thu tiền SĐĐ (1.400m2). Đất trồng cây hàng năm 641m2	Thời hạn sử dụng: đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: 01/2064, đất trồng cây lâu năm khác: 5/2047	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: 1.800m2, đất trồng cây lâu năm khác: 641m2	Thuê đất trả tiền một lần	
9	CHXD số 2 Nguyễn Hữu Thọ	Nút giao thông Nguyễn Hữu Thọ- Nguyễn Tri Phương-Duy Tân, P.Hòa Thuận Tây, quận Hải Châu, Đà Nẵng	1.032,0	Nhận chuyển nhượng Đất sxkd phi nông nghiệp	Lâu dài	Đất cơ sở sản xuất kinh doanh (cửa hàng kinh doanh xăng dầu)	Trả tiền thuê đất 1 lần	

S TT	TÊN KHU ĐẤT	ĐỊA CHỈ	DIỆN TÍCH	MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT + NGUỒN GỐC SỬ DỤNG ĐẤT HIỆN TẠI	THỜI HẠN SỬ DỤNG ĐẤT HIỆN TẠI	MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT SAU CỐ PHẦN	HÌNH THỨC SỬ DỤNG ĐẤT SAU KHI CỐ PHẦN	GHI CHÚ
		Năng						
10	CHXD Nhân Thụy	Tổ 6, thị trấn Khánh Vĩnh, huyện Khánh Vĩnh, tỉnh Khánh Hòa	6.996,5	Nhận chuyển nhượng. Công nhận QSDĐ như giao đất có thu tiền SDD (5.751,5m ²); giao đất không thu tiền SDD (1.245m ²)	Thời hạn sử dụng: đất thương mại dịch vụ đến ngày 21/12/2061; đất rừng sản xuất đến 15/3/2061	Đất thương mại dịch vụ: 5.751,5m ² , đất rừng sản xuất: 1.245m ²	Thuê đất trả tiền một lần (5.751,5m ²)	
11	CHXD số 02 đường Lê Lai, P. Đông Sơn, Thanh Hóa	Số 02 đường Lê Lai, P.Đông Sơn, Thanh Hóa	1.496,2	Nhận chuyển nhượng. Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất Đất xây dựng CHXD	50 năm kể từ 17/03/2011	Đất cơ sở sản xuất kinh doanh (cửa hàng kinh doanh xăng dầu)	Thuê đất trả tiền một lần	
12	CHXD Ninh Phước tại Ninh Thuận	Thị trấn Phước Dân, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận	2.700,0	Nhận chuyển nhượng QSDĐ. Nguồn gốc: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất Đất ở tại đô thị: 1500 m ² Đất cơ sở sxkd: 1200 m ²	Lâu dài	Đất ở tại đô thị: 1500m ² , đất cơ sở sản xuất kinh doanh 1200m ²	Lâu dài	
13	CHXD Ba Chẽ, Quảng Ninh	Thị trấn Ba Chẽ, huyện Ba Chẽ, tỉnh Quảng Ninh	543,0	Nhận chuyển nhượng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất Đất thương mại dịch vụ (xây dựng CHXD)	Đến 27/08/2032	Đất thương mại dịch vụ (xây dựng CHXD)	Thuê đất trả tiền một lần (Thời hạn đến 27/8/2031)	
14	CHXD Đại Yên, Quảng Ninh	Phường Đại Yên, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh	1.000,0	Nhận chuyển nhượng đất được nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất	Đến 28/10/2029	Đất thương mại dịch vụ (xây dựng CHXD)	Thuê đất trả tiền một lần (Thời hạn đến 28/10/2029)	
15	CHXD tại xã Cuôr Đăng, Đắk Lắk	xã Cuôr Đăng, huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk	2.181,0	Nhận chuyển nhượng QSDĐ Đất ở: 300 m ² Đất cơ sở sản xuất kinh doanh: 1.881 m ² (có thu tiền sử dụng đất)	Thời hạn sử dụng: đất ở: lâu dài, đất cơ sở sản xuất kinh doanh: 50 năm kể từ ngày 11/12/2012	Đất ở: 300m ² , đất cơ sở sản xuất kinh doanh: 1.881m ²	1.881 m ² đất thương mại dịch vụ theo hình thức giao đất có thu tiền sử dụng đất. 300m ² đất ở nông thôn theo hình thức nhận quyền sử dụng đất do chuyển quyền sử dụng đất	
16	CHXD Ngân Vĩnh Thu 2	Xã Phước Minh, huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận	2.474,8	Nhận chuyển nhượng. Nguồn gốc: Nhà nước giao đất có thu tiền SDD (1.000m ²); chuyển mục đích SDD (595,3m ² : chưa rõ về nghĩa vụ tiền SDD)	Thời hạn sử dụng: 12/5/2060 (1.000m ²), phần đất còn lại: không rõ	Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp (1.595,3m ²); hành lang an toàn giao thông (879,5m ²)	thuê đất trả tiền một lần (1.595,3m ²)	

S TT	TÊN KHU ĐẤT	ĐỊA CHỈ	DIỆN TÍCH	MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT + NGUỒN GỐC SỬ DỤNG ĐẤT HIỆN TẠI	THỜI HẠN SỬ DỤNG ĐẤT HIỆN TẠI	MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT SAU CỔ PHẦN	HÌNH THỨC SỬ DỤNG ĐẤT SAU KHI CỔ PHẦN	GHI CHÚ
17	Văn phòng làm việc công ty	Số 9, khu nhà dịch vụ-15 tầng, P.7, TP. Vũng Tàu	diện tích SD chung: 189,1m ² ; DT sàn xây dựng sở hữu: 570,60m ²	Nhận chuyển nhượng VP làm việc		Văn phòng làm việc	Lâu dài	
18	CHXD tại xã Đức Mạnh, Đắk Nông	Xã Đức Mạnh, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông	2.100,0	Nhà nước giao đất có thu tiền SDD. Nhận chuyển nhượng và chuyển mục đích sử dụng đất	Đến 04/05/2061	Đất cơ sở sản xuất kinh doanh (cửa hàng kinh doanh xăng dầu)	tiếp tục hoàn tất thủ tục trình UBND tỉnh phê duyệt phương án SDD	(2)
19	CHXD tại xã Hòa Phú, Buôn Ma Thuột, Đắk Lắk	Xã Hòa Phú, Buôn Ma Thuột, Đắk Lắk	2.052,2	Nhận chuyển nhượng QSDĐ do chuyển nhượng QSDĐ "cấp lại"	Thời hạn sử dụng: 600 m ² (lâu dài), 1.452,2m ² (2013)	600m ² đất ở tại nông thôn, 1.452,2m ² đất trồng cây hàng năm	thuê đất trả tiền một lần	
20	CHXD tại Khuê Trung, Đà Nẵng	Phường Khuê Trung, quận Hải Châu, Đà Nẵng	688,7	Nhận chuyển nhượng Đất xây dựng CHXD	Lâu dài	Đất xây dựng CHXD	Lâu dài	
21	CHXD số 13, QL 26, Đắk Lắk	xã Ea Pli, huyện M'Drắk tỉnh Đắk Lắk	14.845,0	CN PVOIL- Cty xăng dầu Dầu khí Miền Đông nhận chuyển nhượng	Đất ONT 320 m ² SD lâu dài, đất nương rẫy 13.145 m ² , SD 2013, thửa 172 SD 2019, đất nuôi trồng thủy sản nước ngọt 1.380 m ² , SD 2013	Làm CHXD và sử dụng theo nguyên trạng	hình thức sử dụng đất: nhận quyền sử dụng đất do chuyển quyền sử dụng đất	
B	ĐẤT KIẾN NGHỊ KHÔNG SỬ DỤNG SAU CỔ PHẦN HOÁ							
1	Thuê đất tại Khu CN Tàu Thủy Lai Vu		30.000,0	Đất thuê trả tiền 1 lần, đất xây dựng kho, cảng xăng dầu	Từ 31/3/2011 đến 31/12/2015	Không đầu tư dự án trả lại đất cho Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu Thủy Lai Vu		
Tổng cộng			540.633,4					

- (1) PV Oil đang tiếp tục làm việc với UBND các Tỉnh, Thành phố để có được ý kiến về phương án sử dụng đất đối với những khu đất thuê trả tiền hàng năm này và sẽ hoàn thiện thủ tục thuê đất theo quy định trước thời điểm PVOIL chuyển sang công ty cổ phần.
- (2) PVOIL đang hoàn thiện thủ tục về nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và sẽ hoàn tất các thủ tục liên quan đến lô đất này trước khi quyết toán cổ phần hóa, chính thức chuyển PVOIL sang công ty cổ phần

Phụ lục 02: HỆ THỐNG KHO XĂNG DẦU CỦA PVOIL

TT	Tên kho	Công suất kho, cảng		Đơn vị sở hữu	Đơn vị vận hành	Ghi chú
		Sức chứa (m3)	Cầu cảng (DWT)			
	Miền Bắc	229,500				
1	Đình Vũ, Hải Phòng	75,500	100,000	PVOIL	PVOIL Đình Vũ	Đất thuê trả tiền một lần
2	An Hải, Hải Phòng	41,000	8,000	Petec	Petec	Đất thuê trả tiền một lần 30.045 m2 và đất thuê trả tiền hằng năm 43.859 m2
3	Cái Lân, Quảng Ninh	20,000	15,000	PVOIL	PVOIL Cái Lân	Đất giao trả tiền một lần
4	Bạch Hạc, Phú Thọ	1,950		PVOIL	PVOIL Phú Thọ	Đất thuê trả tiền hằng năm
5	Vũng Áng, Hà Tĩnh	60,000	15,000	PVOIL Vũng Áng	PVOIL Vũng Áng	Đất thuê trả tiền một lần
6	Thái Bình	6,000	1,000	PVOIL Thái Bình	PVOIL Thái Bình	Đất thuê trả tiền hằng năm
7	Nam Định	6,000	300	PVOIL Nam Định	PVOIL Nam Định	Đất thuê trả tiền hằng năm
8	Ninh Bình	1,700	500	PVOIL Ninh Bình	PVOIL Ninh Bình	Đất nhận quyền SDD do chuyển nhượng QSDĐ
9	Nghi Sơn, Thanh Hóa	10,000	-	PVOIL	PVOIL Nghi Sơn	Đất thuê trả tiền hằng năm
10	Quảng Hưng, Thanh Hóa	4,800	-	PVOIL Thanh Hóa	PVOIL Thanh Hóa	Đất thuê trả tiền hằng năm
11	Đa Phúc, Thái Nguyên	2,550	-	PVOIL Thái Nguyên	PVOIL Thái Nguyên	Đất nhận quyền SDD do chuyển nhượng QSDĐ
	Miền Trung	67,100				
12	Quảng Ngãi	7,200	-	PVOIL	PVOIL Quảng Ngãi	Đất thuê trả tiền hằng năm
13	Liên Chiểu, Đà Nẵng	13,000	3,000	PVOIL Miền Trung	PVOIL Miền Trung	Đất giao trả tiền một lần

TT	Tên kho	Công suất kho, cảng		Đơn vị sở hữu	Đơn vị vận hành	Ghi chú
		Sức chứa (m3)	Cầu cảng (DWT)			
15	Hòa Hiệp, Đà Nẵng	9,900	5,000	Petec	Petec	Đất thuê trả tiền một lần
16	Vũng Rô, Phú Yên	15,000	5,000	PVOIL Phú Yên	PVOIL Phú Yên	Đất thuê trả tiền hằng năm
	Miền Nam	665,600				
17	Miền Đông, Bà Rịa- Vũng Tàu	271,700	50,000	PVOIL	PVOIL Miền Đông	Đất thuê trả tiền hằng năm
18	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	170,000	32,000	PVOIL	PVOIL Nhà Bè	Đất thuê trả tiền hằng năm
19	Tây Ninh	8,500	-	PVOIL Tây Ninh	PVOIL Tây Ninh	Đất thuê trả tiền hằng năm
20	Phú Mỹ, Bà Rịa- Vũng Tàu	34,500	-	PVOIL Phú Mỹ	PVOIL Phú Mỹ	Đất thuê trả tiền hằng năm
21	Cái Mép, Bà Rịa- Vũng Tàu	80,000	60,000	Petec	Petec	Đất giao trả tiền một lần
22	Cần Thơ	72,000	15,000	PetroMekong	PetroMekong	Cổ đông góp vốn bằng quyền sử dụng đất, đất sử dụng lâu dài
23	An Giang	4,800	-	PetroMekong	PetroMekong	Đất nhận quyền SDD do chuyển nhượng QSDĐ
24	Kiên Giang	5,400	-	PetroMekong	PetroMekong	Đất nhận quyền SDD do chuyển nhượng QSDĐ
25	Vĩnh Long	4,000	-	PetroMekong	PetroMekong	Đất nhận quyền SDD do chuyển nhượng QSDĐ
26	Petec Vĩnh Long	8,900	-	Petec	Petec	Đất nhận quyền SDD do chuyển nhượng QSDĐ
	Một số kho nhỏ	5,800	-	PVOIL Bạc Liêu	PVOIL Bạc Liêu	Đất thuê trả tiền hằng năm
	Tổng	962,200				

Phụ lục 03: HỆ THỐNG CỬA HÀNG XĂNG DẦU TRỰC THUỘC PVOIL

Tổng số CHXD trực thuộc PVOIL tính đến tháng 12/2017 là 536 cửa hàng, trong đó:

- 31 CHXD thuộc sở hữu của công ty mẹ (đang cho các công ty con thuê dài hạn)
- 390 CHXD thuộc sở hữu của các công ty con
- 115 CHXD thuê dài hạn của đối tác

Chi tiết CHXD theo đơn vị quản lý vận hành như sau:

STT	Công ty	Số lượng	Ghi chú
1	PVOIL Hà Nội	36	Trong đó có 11 CHXD thuê dài hạn
2	PVOIL Hải Phòng	23	Trong đó có 08 CHXD thuê dài hạn
3	PVOIL Nam Định	30	Trong đó có 06 CHXD thuê dài hạn
4	PVOIL Cái Lân	05	Trong đó có 01 CHXD thuê dài hạn
5	PVOIL Thái Bình	14	Trong đó có 02 CHXD thuê dài hạn
6	PVOIL Phú Thọ	11	Trong đó có 05 CHXD thuê dài hạn
7	PVOIL Hà Giang	08	Trong đó có 01 CHXD thuê dài hạn
8	PVOIL Thanh Hóa	34	Trong đó có 06 CHXD thuê dài hạn
9	PVOIL Vũng Áng	21	Trong đó có 08 CHXD thuê dài hạn
10	PVOIL Thừa Thiên Huế	09	Trong đó có 03 CHXD thuê dài hạn
11	PVOIL Miền Trung	48	Trong đó có 20 CHXD thuê dài hạn
12	PVOIL Phú Yên	40	Trong đó có 17 CHXD thuê dài hạn
13	PVOIL Bình Thuận	61	Trong đó có 04 CHXD thuê dài hạn
14	PVOIL Sài Gòn	29	Trong đó có 04 CHXD thuê dài hạn
15	PVOIL Vũng Tàu	39	Trong đó có 05 CHXD thuê dài hạn
16	PVOIL Tây Ninh	15	Trong đó có 02 CHXD thuê dài hạn
17	PVOIL Bạc Liêu	12	Trong đó có 02 CHXD thuê dài hạn
18	PVOIL MeKong	47	Trong đó có 04 CHXD thuê dài hạn
19	PVOIL Trà Vinh	08	Trong đó có 01 CHXD thuê dài hạn
20	Timexco	20	Trong đó có 01 CHXD thuê dài hạn
21	Petec	26	Trong đó có 04 CHXD thuê dài hạn
	Tổng	536	

Phụ lục 4: QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA PVOIL

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1979/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 08 tháng 12 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt phương án cổ phần hóa
Công ty mẹ - Tổng công ty Dầu Việt Nam
(trực thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam)

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;

Căn cứ Nghị định số 189/2013/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;

Căn cứ Nghị định số 116/2015/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;

Căn cứ Quyết định số 707/QĐ-TTg ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước, trọng tâm là tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước giai đoạn 2016 - 2020”;

Căn cứ Quyết định số 58/2016/QĐ-TTg ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành tiêu chí phân loại doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp nhà nước thực hiện sắp xếp giai đoạn 2016 - 2020;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công Thương,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Dầu Việt Nam với những nội dung chính sau đây:

1. Tên gọi, trụ sở chính của công ty cổ phần
 - Tên đầy đủ bằng tiếng Việt: Tổng công ty Dầu Việt Nam - Công ty cổ phần.
 - Loại hình hoạt động: Công ty cổ phần.

- Tên giao dịch tiếng Việt: Tổng công ty Dầu Việt Nam.
- Tên giao dịch quốc tế: PETROVIETNAM OIL CORPORATION.
- Tên viết tắt: PVOIL.

- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 14-18, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1-5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Tổng công ty Dầu Việt Nam sau cổ phần hóa có tư cách pháp nhân theo pháp luật Việt Nam kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; có con dấu riêng; được mở tài khoản tại ngân hàng theo quy định của pháp luật; tổ chức và hoạt động theo Điều lệ của Tổng công ty Dầu Việt Nam - Công ty cổ phần, phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quy định của pháp luật có liên quan.

Tổng công ty Dầu Việt Nam - Công ty cổ phần kế thừa các quyền, nghĩa vụ, lợi ích hợp pháp của Tổng công ty Dầu Việt Nam trước khi chuyển đổi; được tiếp tục kinh doanh các ngành, nghề hiện Tổng công ty Dầu Việt Nam đang thực hiện và các hoạt động kinh doanh khác theo quy định của pháp luật.

3. Hình thức cổ phần hóa: Bán bớt một phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

4. Vốn điều lệ và cơ cấu cổ phần phát hành lần đầu

a) Vốn điều lệ: 10.342.295.000.000 đồng (Mười nghìn, ba trăm bốn hai tỷ, hai trăm chín lăm triệu đồng).

b) Cơ cấu vốn điều lệ:

- Cổ phần PVN nắm giữ là 363.014.555 cổ phần, chiếm 35,1% vốn điều lệ.

- Cổ phần bán ưu đãi cho người lao động trong doanh nghiệp theo quy định tại khoản 1 Điều 48 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP là 813.800 cổ phần, chiếm 0,08% vốn điều lệ.

- Cổ phần bán ưu đãi cho người lao động trong doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 48 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP là 1.050.500 cổ phần, chiếm 0,10% vốn điều lệ.

- Cổ phần bán đấu giá công khai là 206.845.900 cổ phần, chiếm 20% vốn điều lệ.

- Cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược là 462.504.745 cổ phần, chiếm 44,72% vốn điều lệ.

- Mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

- Nhà đầu tư nước ngoài được tham gia mua cổ phần tại Tổng công ty Dầu Việt Nam với tỷ lệ sở hữu của tất cả các nhà đầu tư nước ngoài tối đa là 49% vốn điều lệ.

5. Bán cổ phần ra công chúng

- Giá khởi điểm: 13.400 đồng/cổ phần.
- Phương thức bán: Đấu giá công khai.
- Tổ chức tài chính trung gian tư vấn bán cổ phần: Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.
- Địa điểm đấu giá: Số 16 Võ Văn Kiệt, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh - Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.
- Thời gian bán cổ phần: Trong thời gian 03 tháng kể từ ngày phương án cổ phần hóa được phê duyệt theo quy định.

6. Bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược

a) Tiêu chí lựa chọn

- Có năng lực về tài chính: Chứng minh đủ nguồn tài chính để mua cổ phần theo tỷ lệ trong phương án được cấp thẩm quyền phê duyệt; có nguồn vốn chủ sở hữu theo báo cáo tài chính tại thời điểm gần nhất tối thiểu 2.000 tỷ đồng đối với doanh nghiệp trong nước hoặc tương đương 2.000 tỷ đồng theo tỷ giá quy đổi tại ngày đăng ký tham gia nhà đầu tư chiến lược đối với doanh nghiệp nước ngoài. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh (đã được kiểm toán) hai năm gần nhất tính đến thời điểm đăng ký mua cổ phần phải có lãi, không có lỗ lũy kế.

- Có cam kết bằng văn bản của Hội đồng quản trị hoặc người đại diện theo pháp luật hoặc người có thẩm quyền về việc:

+ Tiếp tục duy trì ngành nghề kinh doanh chính và thương hiệu Tổng công ty Dầu Việt Nam trong thời gian ít nhất là 10 năm kể từ thời điểm chính thức trở thành nhà đầu tư chiến lược.

+ Không chuyển nhượng số cổ phần mua trong thời gian tối thiểu 10 năm kể từ ngày Tổng công ty Dầu Việt Nam - Công ty cổ phần được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cổ phần lần đầu hoạt động theo Luật Doanh nghiệp.

+ Hỗ trợ Tổng công ty Dầu Việt Nam về: Chuyển giao công nghệ mới hiện đại, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, nâng cao năng lực tài chính, quản trị doanh nghiệp, cung ứng nguyên vật liệu và hợp tác đầu tư, phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm theo chiến lược phát triển của Tổng công ty Dầu Việt Nam sau cổ phần hóa.

+ Có cam kết sử dụng lao động của Tổng công ty Dầu Việt Nam theo phương án cổ phần hóa được cấp thẩm quyền phê duyệt.

+ Có cam kết để công ty cổ phần Tổng công ty Dầu Việt Nam tiếp tục tiêu thụ sản phẩm của các Nhà máy Lọc hóa dầu Nghi Sơn và Bình Sơn trong ít nhất là 10 năm sau cổ phần hóa theo giá thị trường với sản lượng tối thiểu hàng năm (SL_{min}) theo công thức dưới đây:

$SL_{min} = (\text{Tổng sản lượng kinh doanh của Tổng công ty Dầu Việt Nam}) \times (\text{Tổng công suất sản phẩm xăng và dầu DO của 02 nhà máy}) / (\text{Tổng nhu cầu xăng và dầu DO của Việt Nam})$.

+ Có cam kết để Tổng công ty Dầu Việt Nam - Công ty cổ phần tiếp tục thực hiện thoái vốn tại Tổng công ty cổ phần Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư.

+ Quy định đối với nhà đầu tư nước ngoài: Là nhà đầu tư đã tham gia hoặc có cam kết đầu tư vào các dự án lọc hóa dầu tại Việt Nam.

- Có cam kết bằng văn bản của người có thẩm quyền về việc: i) đảm bảo nguồn tiền dùng để đặt cọc và thanh toán tiền mua cổ phần có nguồn gốc hợp pháp theo đúng các quy định có liên quan; và ii) sẵn sàng đặt cọc tới 20% giá trị cổ phần đăng ký mua theo giá khởi điểm đã được cơ quan có thẩm quyền quyết định phương án cổ phần hóa phê duyệt.

- Có phương án khả thi hỗ trợ Tổng công ty Dầu Việt Nam - Công ty cổ phần một cách tích cực thực hiện các mục tiêu chiến lược sau khi cổ phần hóa.

- Kinh nghiệm quản trị, điều hành, có thương hiệu uy tín trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu, dầu khí tại thị trường quốc tế trong và ngoài nước sẽ là những lợi thế khi xem xét lựa chọn nhà đầu tư chiến lược.

- Có nghĩa vụ bồi thường khi vi phạm cam kết đã ký với mức bồi thường xác định theo thiệt hại thực tế và quyền định đoạt của Nhà nước đối với toàn bộ số lượng cổ phần nhà đầu tư chiến lược mua khi vi phạm các cam kết đã ký.

b) Giá bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược

Thực hiện theo quy định tại thời điểm thực hiện bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược.

Trường hợp thực hiện bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược từ thời điểm Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần có hiệu lực thì thực hiện theo quy định tại Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ.

c) Thời hạn hoàn thành bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược

Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ. Trong trường hợp việc bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược có vướng mắc, không thể hoàn thành trong 3 tháng theo quy định, Bộ Công Thương báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

d) Ủy quyền cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam chủ động tìm kiếm đối tác, tiến hành đàm phán với nhà đầu tư chiến lược trên cơ sở phương án cổ phần hóa được phê duyệt và các quy định có liên quan, gửi Bộ Công Thương xem xét, tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả bán cổ phần theo quy định.

7. Tổng công ty Dầu Việt Nam - Công ty cổ phần thực hiện thuê đất của Nhà nước và trả tiền thuê đất theo quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng đất.

8. Phương án sắp xếp lao động

- Tổng số lao động tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp là 790 người.

- Lao động chuyển sang công ty cổ phần là 770 người.

9. Chi phí cổ phần hóa

Giao Bộ Công Thương phê duyệt quyết toán chi phí cổ phần hóa; Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và Tổng công ty Dầu Việt Nam quyết định và chịu trách nhiệm về các chi phí thực tế, cần thiết để thực hiện cổ phần hóa Tổng công ty Dầu Việt Nam theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Công Thương

- Quyết định nội dung quy định tại khoản 9 Điều 1 Quyết định này.

- Chỉ đạo Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và Tổng công ty Dầu Việt Nam công bố đầy đủ thông tin về doanh nghiệp cổ phần hóa; tổ chức, triển khai thực hiện bán cổ phần trong thời gian 03 tháng kể từ thời điểm ký Quyết định này mà không phải xác định lại giá trị doanh nghiệp.

- Theo dõi, giám sát quá trình thực hiện công tác cổ phần hóa tại doanh nghiệp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, giải quyết các khó khăn, vướng mắc vượt thẩm quyền.

2. Bộ Tài nguyên và Môi trường có văn bản gửi Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố xem xét và có ý kiến về phương án sử dụng đất của Tổng công ty Dầu Việt Nam đối với khu đất chưa được Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố có ý kiến trước thời điểm Tổng công ty Dầu Việt Nam chính thức chuyển sang công ty cổ phần.

3. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chỉ đạo và hướng dẫn việc đăng ký doanh nghiệp của Tổng công ty Dầu Việt Nam - Công ty cổ phần.

4. Hội đồng thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam chịu trách nhiệm quản lý Tổng công ty Dầu Việt Nam cho đến khi hoàn tất việc bàn giao toàn bộ tài sản, tiền vốn, lao động, đất đai cho Tổng công ty Dầu Việt Nam - Công ty cổ phần.

5. Bộ Công Thương, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và Tổng công ty Dầu Việt Nam có trách nhiệm hoàn thành việc thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước về việc kiểm toán kết quả tư vấn định giá và xử lý các vấn đề tài chính trước khi chính thức công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa đối với Tổng công ty Dầu Việt Nam đến thời điểm Tổng công ty Dầu Việt Nam chính thức chuyển sang công ty cổ phần theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Bộ trưởng các Bộ: Công Thương, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Lao động - Thương binh và Xã hội, Nội vụ, Thủ trưởng các cơ quan liên quan, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Ban Chỉ đạo cổ phần hóa và Hội đồng thành viên Tổng công ty Dầu Việt Nam chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ban Chỉ đạo Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp;
- Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;
- Tổng công ty Dầu Việt Nam;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trụ lý TTg, TGD Công TTĐT, các Vụ: TH, CN, KTTH;
- Lưu: VT, ĐMDN (2).KN 43

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Vương Đình Huệ